

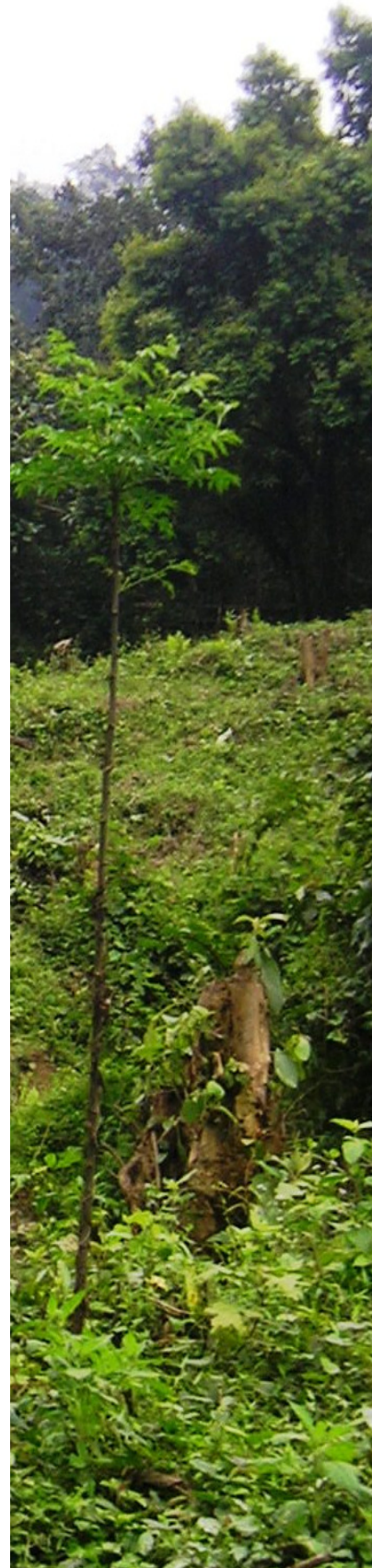
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT QUẢNG BÌNH

Tài liệu hướng dẫn

Xây dựng và tổ chức thực hiện Quy ước Bảo vệ và Phát triển rừng trong thôn, bản ở tỉnh Quảng Bình

*(Ban hành kèm theo Quyết định 261/QĐ-SNN ngày 20/3/2008
của Sở NN&PTNT tỉnh Quảng Bình)*

Tháng 3 năm 2008



NHÓM TÁC GIẢ

Biên tập

Ks. Phùng Văn Bằng

Ks. Nguyễn Văn Hợp

Ks. Vũ Văn Mạnh

Ts. Björn Wode

Bà. Marianne Meijboom

Hiệu chỉnh.

Cử nhân khoa học: Nguyễn Viết Nhung

Ts. Hans – Juergen Wiemer



LỜI CẢM ƠN

Thực hiện chủ trương xã hội hoá nghề rừng, trong những năm qua Đảng và nhà nước đã có nhiều chương trình, chính sách thúc đẩy phát triển ngành lâm nghiệp trên mọi lĩnh vực như: Bảo vệ và Phát triển rừng, nghiên cứu khoa học và đầu tư công nghệ chế biến lâm sản.

Nhằm phát huy và tăng cường sức mạnh toàn dân, đặc biệt là cộng đồng dân cư Thôn, bản tham gia vào công tác Bảo vệ và Phát triển rừng. Ngày 01/8/2007 Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư số 70/2007/TT-BNN về Hướng dẫn xây dựng và tổ chức thực hiện quy ước Bảo vệ và Phát triển rừng trong cộng đồng dân cư thôn.

Trong thời gian vừa qua, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Bình đã phối hợp với Dự án Quản lý bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên Miền Trung (SMNR-CV) biên soạn cuốn Tài liệu *“Hướng dẫn Xây dựng và tổ chức thực hiện Quy ước Bảo vệ và Phát triển rừng trong cộng đồng dân cư thôn, bản ở Quảng Bình”*

Sở NN&PTNT tỉnh Quảng Bình đặc biệt cảm ơn Dự án SMNR – CV đã hỗ trợ chúng tôi nguồn kinh phí và các chuyên gia Quốc tế, địa phương để xây dựng cuốn tài liệu này.

Nhân đây Chi cục Kiểm lâm xin cảm ơn UBND huyện Tuyên Hoá, Minh Hoá, Quảng Ninh và Nhóm tham vấn lâm nghiệp có những đóng góp trong khi biên soạn Tài liệu này.

Trong quá trình biên soạn không tránh khỏi những thiếu sót, rất mong nhận được sự tham gia góp ý của quý độc giả để chúng tôi hoàn thiện trong lần tái bản sau.

**Sở NN và PTNT tỉnh Quảng Bình.
P. Giàm đốc**

Nguyễn Viết Nhung

MỤC LỤC

GIỚI THIỆU.....	2
PHẦN 1: PHƯƠNG PHÁP LUẬN	2
1.1 Bước 1: Chuẩn bị.....	2
1.2 Bước 2: Xây dựng bản thảo quy ước bảo vệ và phát triển rừng	3
1.3 Bước 3: Họp thôn.....	11
1.4. Bước 4: Hoàn tất Quy ước BV&PTR và đệ trình để phê duyệt	15
1.5 Bước 5: Phổ biến nội dung quy ước BV&PTR tại thôn	16
1.6 Bước 6: Thực hiện, giám sát và đánh giá	17
1.7 Phân cấp nhiệm vụ và trách nhiệm trong khi thực hiện Quy ước.....	19
PHẦN 2: HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH.....	18
2.1 Họp giới thiệu việc xây dựng bản thảo Quy ước BV&PTR	18
2.2 Xây dựng mục tiêu của quy ước BV&PTR.....	19
2.3 Lợi ích và quyền hạn của người dân	19
2.4 Xây dựng sơ đồ tài nguyên rừng của thôn.....	20
2.5 Phân tích các vấn đề khó khăn liên quan đến công tác BV&PTR.....	22
2.6 Thành lập nhóm quản lý rừng	23
2.7 Xây dựng các quy định cụ thể về phát triển rừng.....	24
2.8 Xây dựng các quy định cụ thể đối với rừng vùng hoặc từng chủ đề	25
2.9 Thành lập tổ giám sát rừng	30
2.10 Xác định các thủ tục pháp lý, bồi thường và khen thưởng thưởng	30
2.11 Phổ biến quy ước BV&PTR trong cộng đồng dân cư thôn	32
Phụ lục 1 Tóm tắt một số chính sách của nhà nước liên quan đến rừng.....	34
Phụ lục 2 Chức năng của rừng nhiệt đới Việt Nam	35
Phụ lục 3 Danh mục Động thực vật nguy cấp, quý hiếm ban hành kèm theo Nghị định 32/2006/NĐ-CP	36
Phụ lục 4 Quyết định phê duyệt Quy ước BV&PTR	47
Phụ lục 5 Câu hỏi theo dõi và đánh giá nội bộ thôn.....	48
Phụ lục 6 Câu hỏi theo dõi đánh giá bên ngoài.....	54

Các cụm từ viết tắt

UBND	Ủy ban nhân dân
DED	Tổ chức Hỗ trợ phát triển Đức
NN&PTNT	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
KL	Kiểm lâm
BV&PTR	Bảo vệ và Phát triển rừng
GTZ	Tổ chức Hợp tác Kỹ thuật Đức
BQL	Ban quản lý
LSNG	Lâm sản ngoài gỗ
SMNR-CV	Dự án quản lý bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên miền Trung
WWF	Quỹ Quốc tế Bảo vệ Thiên nhiên
FFI	Tổ chức Động, thực vật quốc tế

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN
XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN QUY ƯỚC BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN
RỪNG TRONG CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ THÔN BẢN Ở TỈNH QUẢNG BÌNH

GIỚI THIỆU

Tài liệu hướng dẫn xây dựng quy ước bảo vệ và phát triển rừng được phát triển dựa trên cuốn tài liệu hướng dẫn đã được xây dựng trong năm 2002 với sự phối hợp giữa các Dự án của Quỹ Quốc tế Bảo vệ Thiên nhiên (WWF) và Dự án của Tổ chức Hợp tác Kỹ thuật Đức (GTZ) tại tỉnh Quảng Bình, có tham khảo Bộ tài liệu Đào tạo về Lâm nghiệp Cộng đồng do Dự án Lâm nghiệp Xã hội Sông Đà xây dựng trong năm 2004. Việc xây dựng quy ước BV&PTR được dựa theo Thông tư số 56/1999/TT-BNN-KL của Bộ NN&PTNT ban hành ngày 30/03/1999 về “Hướng dẫn xây dựng quy ước BV&PTR tại cộng đồng, làng, thôn/bản, buôn”. Nội dung dự thảo của cuốn tài liệu này đã được thảo luận và lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan trong tỉnh qua cuộc hội thảo được tổ chức vào ngày 07 tháng 9 năm 2005 tại thành phố Đồng Hới.

Ngày 01/8/2007 của Bộ NN&PTNT ban hành Thông tư 70/2007/TT-BNN về việc hướng dẫn xây dựng và tổ chức thực hiện quy ước BV&PTR trong cộng đồng dân cư thôn, nên cần có những điều chỉnh bổ sung cho phương pháp đã được áp dụng trước đây. Cùng với sự cộng tác chặt chẽ giữa Chi cục Kiểm lâm tỉnh Quảng Bình và Dự án SMNR-CV, những điều chỉnh này đã được hợp nhất lại thành cuốn tài liệu “Xây dựng và tổ chức thực hiện quy ước BV&PTR”, đồng thời xây dựng hệ thống giám sát đánh giá chi tiết.

Phương pháp điều chỉnh đã được giới thiệu và thảo luận tại cuộc họp cấp tỉnh giữa nhóm Tư vấn Lâm nghiệp tỉnh và các ngành có liên quan cấp huyện, cấp tỉnh vào ngày 30/11/2007 và Hội thảo cấp tỉnh vào ngày 06/12/2007.

Mục đích của tài liệu hướng dẫn này là giới thiệu một phương pháp và những hướng dẫn thực tế toàn diện đối với việc xây dựng quy ước BV&PTR, giúp cho cán bộ kiểm lâm địa bàn nâng cao năng lực hỗ trợ các cộng đồng dân cư trong việc xây dựng quy ước BV&PTR.

Việc xây dựng quy ước BV&PTR là bước đầu tiên hướng đến công tác quản lý rừng bền vững tại địa phương. Vì thế, quy ước cần được xây dựng với sự tham gia đầy đủ của người dân trong thôn, người giàu, người nghèo, già, trẻ, nam giới và phụ nữ nhằm đảm bảo được sự ủng hộ và nhất trí cao đối với quy ước. Nếu thiếu sự ủng hộ này thì quy ước sẽ không có hiệu quả.

Tài liệu này bao gồm 02 phần, trong đó phần 1 tập trung vào giới thiệu phương pháp luận Xây dựng quy ước BV&PTR, phần 2 giới thiệu về một số hướng

dẫn thực hành xây dựng quy ước BV&PTR. Ngoài ra, tài liệu còn có một số phần phụ lục cung cấp thêm một số thông tin cơ bản về xây dựng quy ước BV&PTR ; Hệ thống Giám sát đánh giá.

PHẦN I

PHƯƠNG PHÁP LUẬN XÂY DỰNG QUY ƯỚC BV&PTR

Căn cứ Thông tư 70/2007/TT-BNN ngày 01/8/2007 của Bộ NN&PTNT và sau khi thực hiện thí điểm tại một số xã tại huyện Tuyên Hoá, Minh Hoá, huyện Quảng Ninh và tiến hành tổ chức các cuộc Hội thảo cấp huyện, cấp tỉnh nhằm thống nhất phương pháp luận phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh Quảng Bình.

Một số nguyên tắc cơ bản

Tài liệu hướng dẫn xây dựng quy ước BV&PTR được xây dựng trên cơ sở những nguyên tắc sau:

1. Phù hợp với tính pháp lý và khuôn khổ hành chính, kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội, kế hoạch sử dụng đất và kế hoạch BV&PTR của địa phương.
2. Đơn giản và dễ thực hiện trong phạm vi điều kiện sẵn có của địa phương.
3. Mang tính quần chúng trong cộng đồng bao gồm: phụ nữ, người nghèo, người dân tộc và một số đối tượng không đủ khả năng lao động khác được quan tâm và tôn trọng.
4. Tăng cường sự quản lý bền vững đất lâm nghiệp và hạn chế những tác động tiêu cực ảnh hưởng đến nguồn tài nguyên rừng.
5. Phản ánh được nhu cầu của người dân địa phương trong việc tiếp cận và sử dụng nguồn tài nguyên rừng (không chỉ tập trung vào vấn đề về khai thác nguồn lâm sản).

Phương pháp xây dựng quy ước BV&PTR (gồm có 6 bước):

1. Chuẩn bị
2. Xây dựng bản thảo quy ước BV&PTR.
3. Tổ chức họp thôn.
4. Thống nhất lần cuối quy ước BV&PTR và phê duyệt.
5. Phổ biến quy ước đã được phê duyệt cho toàn thôn.
6. Thực hiện, giám sát và đánh giá.

1.1 Bước 1: Chuẩn bị

a) Tổ chức họp xã: Chủ tịch UBND xã chủ trì họp với đại diện các đoàn thể xã và các Trưởng thôn (mời bí thư Đảng bộ xã, bí thư chi bộ thôn, Kiểm lâm địa bàn tham dự) để thống nhất chủ trương, kế hoạch biện pháp triển khai xây dựng quy ước, xác định mục tiêu chính của quy ước ở từng cộng đồng dân cư thôn (bảo vệ rừng hay phát triển rừng hoặc kết hợp giữa bảo vệ và phát triển rừng).

b) Thu thập tài liệu: Sau khi có ý kiến của Ủy ban nhân dân xã, Trưởng thôn với sự hỗ trợ của Kiểm lâm địa bàn, Tư pháp xã thu thập các tài liệu liên quan đến việc xây dựng quy ước, như:

- Các quy định pháp luật và của cộng đồng về BV&PTR, phong tục, tập quán sinh hoạt cộng đồng...
- Các kết quả điều tra rừng, giao rừng gắn với đất lâm nghiệp, kế hoạch quản lý rừng cộng đồng...(nếu có);
- Quyền hưởng lợi và nghĩa vụ của cộng đồng đang được thực hiện;
- Các loại bản đồ hiện trạng, tài nguyên rừng của cộng đồng; sơ đồ về quy hoạch canh tác nương rẫy;
- Các tài liệu khác liên quan.

c) Tổ chức họp đại diện các hộ gia đình trong cộng đồng dân cư thôn, bản

Trưởng thôn dưới sự hỗ trợ của Kiểm lâm địa bàn tổ chức mời và chủ trì cuộc họp với đại diện các hộ gia đình trong cộng đồng dân cư thôn, già làng, bí thư chi bộ, đại diện Hội phụ nữ, Hội cựu chiến binh, đoàn thanh niên... và mời đại diện UBND xã tham dự.

Nội dung cuộc họp gồm:

- Thống nhất trình tự, thời gian xây dựng quy ước, lựa chọn hình thức quy ước và xác định những nội dung chính quy định trong quy ước;

- Bầu Ban soạn bản thảo quy ước BV&PTR cho thôn từ 5 – 7 người, bao gồm những người đại diện các tổ chức xã hội, chính trị và các già làng, trưởng bản tham gia.

✚ Nên tiến hành chuẩn bị một tuần trước khi thông báo cho các trưởng thôn và các thành viên trong nhóm hướng dẫn để họ có thời gian chuẩn bị và sắp xếp ngày triển khai xây dựng quy ước. Công tác chuẩn bị thường thực hiện trong thời gian từ 7 - 10 ngày.

1.2 Bước 2: Xây dựng bản thảo quy ước bảo vệ và phát triển rừng

Quy ước BV&PTR do một nhóm từ 5 đến 7 thành viên soạn thảo với tính chất đại diện cho mọi đối tượng người dân trong thôn nêu lên những mối quan tâm của cả người giàu, người nghèo, nam giới, phụ nữ, thanh niên, phụ lão và nhiều tổ chức quần chúng khác.

Việc xây dựng bản thảo quy ước BV&PTR có thể được xem là bước quan trọng. Cán bộ kiểm lâm chịu trách nhiệm cần giới thiệu vấn đề về các chức năng của rừng, tác động của việc khai thác và sử dụng rừng và công tác theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp, sự cần thiết của việc xây dựng quy ước BV&PTR đối với công tác bảo vệ rừng. Sau phần giới thiệu, nhóm hướng dẫn cần thống nhất về những mục tiêu mà họ muốn đạt được khi có quy ước BV&PTR. Sau đó, nhóm hướng dẫn sẽ phác thảo sơ đồ tài nguyên rừng hiện có trong thôn và thảo luận cần có những quy định nào phù hợp nhất để quản lý, bảo vệ từng khu vực rừng nhằm khắc phục những tình trạng khó khăn, vướng mắc chính trong khu vực đó. Các cuộc thảo luận sẽ bao gồm thành lập các nhóm sử dụng rừng để chia sẻ trách nhiệm trong quản lý

những khu vực rừng được giao nằm khá xa khu dân cư; và người dân được phép khai thác những loài/bộ phận thực vật nào/loài động vật nào (khai thác cái gì), ai được phép khai thác/không được phép khai thác, khai thác khi nào (quanh năm/vào các thời gian nhất định), khai thác như thế nào (phương tiện khai thác, ví dụ không được dùng súng), số lượng được phép khai thác là bao nhiêu (số lượng được phép khai thác của mỗi hộ). Ngoài ra, nhóm hướng dẫn cần đề xuất cách tổ chức thực hiện các quy định cụ thể, các biện pháp giải quyết đối với những hành vi vi phạm (bồi thường khắc phục thiệt hại, khen thưởng).

Cán bộ kiểm lâm địa bàn và cán bộ lâm nghiệp xã là những người hướng dẫn các thôn, bản trong quá trình xây dựng quy ước BV&PTR. Xem bảng 1 về vai trò của cán bộ Kiểm lâm và cán bộ lâm nghiệp xã.

Bảng 1: Vai trò của cán bộ kiểm lâm địa bàn và người dân trong thôn/cộng đồng

Việc áp dụng phương pháp luận đề xuất cho việc xây dựng quy ước BV&PTR mất rất nhiều thời gian và nguồn lực, đòi hỏi người hướng dẫn phải nắm rõ về chức năng của rừng, các quy định của pháp luật có liên quan đến lâm nghiệp và quản lý rừng bền vững trên địa bàn thôn xã, diện tích đất lâm nghiệp và diện tích rừng, tình hình dân sinh – kinh tế của thôn để đảm trách vai trò người hỗ trợ. Họ phải hỗ trợ các thôn bản trong suốt quá trình xây dựng, từ khâu chuẩn bị cho đến phổ biến quy ước và giám sát quá trình thực hiện quy ước. Họ đảm trách nhiệm vụ hướng dẫn và hỗ trợ. Người hướng dẫn phải luôn tạo ra một môi trường tin cậy và an toàn để mọi người tham gia sẵn sàng chia sẻ thông tin và hợp tác. Người hướng dẫn nên sử dụng ngôn ngữ đơn giản, dễ hiểu, giải thích, truyền đạt chậm rãi đối với người tham gia nhằm đảm bảo tất cả các ý kiến của người nghèo, phụ nữ và thanh niên đều được tổng hợp và đưa vào quy ước BV&PTR. Quy ước phải phản ánh được tất cả các mối quan tâm của nhiều nhóm đối tượng khác nhau trong thôn, bản. Cán bộ Kiểm lâm cần đảm bảo rằng quy ước BV&PTR đã xây dựng phải tuân thủ các chính sách quy định của nhà nước Việt Nam (xem tổng quan về các chính sách liên quan trong Phụ lục 1).

Vai trò chính của người dân trong thôn bản là tổ chức và tham gia tích cực vào những cuộc họp cần thiết. Ban quản lý thôn có trách nhiệm chọn các thành viên tham gia vào việc dự thảo quy ước BV&PTR và đảm bảo các thành viên tham gia xây dựng lập dự thảo quy ước phải đại diện cho tất cả những nhóm đối tượng khác nhau trong thôn (người giàu, người nghèo, nam giới, phụ nữ, thanh niên và người già). Phụ nữ và người nghèo là hai đối tượng chủ yếu tham gia khai thác lâm sản, nên sự tham gia của họ trong quá trình xây dựng quy ước là điều kiện tiên quyết để xây dựng được một quy ước hoàn chỉnh. Ngoài ra cũng cần quan tâm tuyên truyền thuyết phục làm bản cam kết đến những đối tượng chuyên khai thác, mua bán, vận chuyển lâm sản và săn bắt động vật hoang dã trong thôn, bản. Trong cuộc họp thôn xây dựng dự thảo quy ước, cần cử một người làm thư ký ghi biên bản cuộc họp.

Có thể áp dụng những phương pháp xây dựng quy ước BV&PTR khác nhau. Tại những thôn có diện tích rừng khá lớn thì xây dựng quy ước BV&PTR theo từng khu vực rừng, phụ thuộc vào sơ đồ tài nguyên rừng của thôn, bản. Các thành viên tham gia xây dựng quy ước cũng được chia thành các nhóm theo từng vùng đã

được xác định; và theo đó mỗi nhóm sẽ xây dựng quy định đối với từng khu vực rừng cụ thể về các chủ đề liên quan, như khai thác gỗ, LSNG, săn bắn động vật hoang dã, đốt rừng làm rẫy, phòng chống cháy rừng, chăn thả gia súc. Sau khi mỗi nhóm xây dựng xong các quy định đối với từng vùng, các quy định này đều được trình bày và thảo luận thông qua cuộc họp toàn thể các thành phần tham gia sẽ thống nhất có quyết định cuối cùng đối với bản dự thảo quy ước đối với mỗi vùng cụ thể.

Tại một số thôn có diện tích rừng hạn chế thì xây dựng quy ước BV&PTR theo phương án phù hợp. Xác định các chủ đề cần đưa vào quy ước, sau đó bắt đầu xây dựng các quy định cụ thể đối với từng chủ đề cho thôn, trên cơ sở xác định cụ thể các khu vực trong thôn nơi mà các quy định cần được tuân thủ. Các thành viên tham gia xây dựng quy ước cũng được chia thành các nhóm để thảo luận xây dựng các quy định đối với các chủ đề khác nhau. Sau khi mỗi nhóm đã xây dựng xong các quy định đối với mỗi chủ đề; các kết quả sẽ được trình bày và thảo luận chung giữa các nhóm. Cuộc họp thảo luận chung sẽ thống nhất dự thảo quy định cho từng chủ đề.

Việc áp dụng cả hai phương pháp nói trên đều xây dựng được dự thảo quy ước BV&PTR có hiệu quả, phản ánh được tình hình thực tế của thôn bản. Thông thường, thời gian để xây dựng được bản dự thảo quy ước là 2 đến 5 ngày.

Nội dung chính của cuộc họp xây dựng dự thảo quy ước BV&PTR như sau:

1. Giới thiệu và nâng cao nhận thức về sự cần thiết phải xây dựng quy ước BV&PTR
2. Xác định các mục tiêu của quy ước BV&PTR
3. Nêu rõ lợi ích và quyền hạn của người dân trong thôn
4. Lập bản đồ tài nguyên rừng của thôn
5. Phân tích những vấn đề liên quan công tác bảo vệ và phát triển rừng
6. Thành lập các nhóm quản lý rừng
7. Xây dựng các quy định cụ thể đối với từng vùng hoặc từng chủ đề (các chủ đề có thể nêu rõ là phát triển rừng, khai thác lâm sản (cây), đốt rừng làm rẫy, phòng chống cháy rừng, khu vực chăn thả, khai thác khoáng sản và vật liệu xây dựng, săn bắn động vật rừng, động vật hoang dã
8. Thành lập tổ giám sát rừng
9. Xác định thủ tục đối với các trường hợp xử lý các hành vi vi phạm buộc khắc phục hậu quả hoặc khen thưởng.
10. Qui định các hình thức phổ biến quy ước trong thôn (như copy quy ước để phát cho các hộ gia đình hoặc đưa vào nội dung bảng tin về quy ước).

Trong phần 2 của tài liệu này, hướng dẫn thực hiện xây dựng dự thảo quy ước BV&PTR được đưa ra với những bước cụ thể trong từng điểm một. Trưởng thôn và cán bộ kỹ thuật dự thảo bản quy ước trên cơ sở những ý kiến thảo luận (xem bảng 4 về Mẫu dự thảo quy ước). Dưới đây là phần mô tả ngắn gọn của từng điểm đã đề cập ở trên.

Giới thiệu cuộc họp và nâng cao nhận thức về sự cần thiết phải xây dựng quy ước BV&PTR

Phần đầu xây dựng bản thảo quy ước BV&PTR là giới thiệu về mục đích, trình tự, thời gian cần thiết và vai trò của những thành viên tham gia. Ngoài ra, cũng có thể giới thiệu thêm một số thông tin liên quan khác về sự cần thiết phải xây dựng quy ước BV&PTR. Các thông tin về chức năng và tác động của việc khai thác và sử dụng rừng sẽ giúp người dân hiểu rõ về sự cần thiết xây dựng quy ước BV&PTR. Phụ lục 2 là phần giới thiệu những thông tin cần thiết về các chức năng chính của rừng - chức năng điều tiết, chức năng sản xuất, chức năng sinh cảnh và chức năng thông tin. Những chức năng này thường bị xem nhẹ vì không mang lại lợi ích kinh tế trực tiếp có giá trị trong cuộc sống hàng ngày.

Xác định các mục tiêu đối với Quy ước BV&PTR

Tất cả mọi người dân trong thôn cần thống nhất các mục tiêu đối với quy ước BV&PTR. Điều quan trọng để xây dựng được các quy ước có nội dung toàn diện là người dân địa phương cần chia sẻ mong muốn của họ về mục đích của quy ước BV&PTR và họ sẽ thống nhất về các mục đích muốn đạt được khi có quy ước.

Lợi ích và trách nhiệm của người dân trong thôn

Quy ước BV&PTR cần nêu rõ lợi ích và trách nhiệm của người dân trong thôn (của từng nhóm khác nhau) trong việc khai thác các sản phẩm rừng (theo luật Việt Nam). Cho dù một số người (những hộ nghèo) không được giao đất cũng có thể có cơ hội sử dụng các sản phẩm rừng cần thiết cho cuộc sống của họ. Trong cuộc họp, nội dung về vấn đề sử dụng rừng của những nhóm này cũng cần được thảo luận.

Quy ước BV&PTR không nên chỉ chú trọng vào vấn đề sử dụng rừng mà cần tập trung vào vấn đề sử dụng tài nguyên rừng lâu dài và bền vững. Điều này có nghĩa là việc khai thác các sản phẩm rừng cần phải dựa trên cơ sở sự tái sinh của những loài hiện có nhằm đảm bảo sự hiện hữu thường xuyên của nguồn tài nguyên. Nếu xem nhẹ việc khai thác bền vững, có nghĩa là thiếu chú trọng đến sự tái sinh của các loài thì sớm muộn những loài này cũng sẽ cạn kiệt và không một ai có thể có cơ hội sử dụng những sản phẩm đó lần nữa.

Lập sơ đồ tài nguyên rừng

Lập bản đồ tài nguyên rừng của thôn là việc xác định vị trí phân bố của những tài nguyên rừng khác nhau trong thôn. Có thể sử dụng bản đồ hiện trạng tài nguyên rừng của xã làm công cụ để thảo luận thêm về sự phân bố của thảm thực vật, các loài có ích, các loại rừng/đất rừng (rừng phòng hộ/rừng sản xuất/rừng đặc dụng), những vấn đề khó khăn gặp phải (động vật rừng/khai thác quá mức), cơ hội đối với việc quản lý rừng hiện tại và trong tương lai đối với từng khu vực rừng. Kết quả thảo luận sẽ hỗ trợ việc xây dựng quy ước.

Phân tích những vấn đề liên quan đến công tác BV&PTR

Quy ước BV&PTR cần tập trung vào những nguyên nhân dẫn đến tình trạng suy thoái rừng trong khu vực của thôn. Rừng có thể cung cấp nguồn sản phẩm mà con người mong muốn như gỗ, chất đốt, dược liệu ... mang tính lâu dài nếu chúng ta có biện pháp quản lý tốt. Tuy nhiên, việc lấy đi một số lượng lớn các sản phẩm từ rừng sẽ làm suy thoái những loài hiện có và tăng áp lực khai thác do chúng ta phải

tìm kiếm lâu hơn và đi xa hơn để tìm những loài tương tự hoặc một số lượng tương đương. Ở điểm này của nội dung xây dựng dự thảo quy ước BV&PTR, nhóm tham gia xây dựng quy ước cần phân tích tình hình dẫn đến việc khai thác quá mức trong khu vực rừng của thôn bản. Nhóm xây dựng quy ước cần chú ý đến những đối tượng thường xuyên khai thác, vận chuyển, mua bán, sử dụng lâm sản và động vật hoang dã trái phép, cũng cần có những giải pháp tuyên truyền giáo dục hoặc biện pháp hành chính để nâng cao hiệu lực của quy ước. Quy ước BV&PTR cần nhấn mạnh tình hình cụ thể của từng thôn để đảm bảo nguồn tài nguyên rừng được duy trì và quản lý bền vững cho những thế hệ hiện tại và cả tương lai.

Thành lập nhóm quản lý rừng

Một trong những vướng mắc chính gặp phải trong công tác quản lý đất lâm nghiệp, đất rừng là rừng đã được giao cho các hộ gia đình nhưng các hộ được nhận rừng lại không biết được ranh giới của diện tích đất rừng đã nhận.

Trong nhiều trường hợp, đất lâm nghiệp ở hai huyện Tuyên Hoá và Minh Hoá được giao theo những dải dài chạy từ chân đồi gần nơi các hộ sinh sống lên đến đỉnh đồi. Và một vài trường hợp, những lô đất dài mà các hộ nhận được có diện tích: rộng 30m và dài hơn 5km. Hình thức giao đất giao rừng theo những dải đất dài như thế có thể là một giải pháp tốt để đảm bảo tính công bằng (tất cả các hộ đều nhận được đất lâm nghiệp có cùng trạng thái rừng như nhau) nhưng lại hạn chế công tác bảo vệ và quản lý của người dân đối với những phần diện tích đất rừng/rừng xa khu dân cư, không rõ ràng hoặc không có ranh giới giữa các lô (Nhìn chung, việc quản lý của các hộ đối với những phần diện tích gần khu dân cư được tiến hành khá phù hợp bởi vì công tác bảo vệ và quản lý ở đây khá dễ dàng và thuận tiện).

Việc làm rõ và duy trì ranh giới đối với những phần diện tích rừng xa khu dân cư hơn là rất phức tạp và tốn thời gian. Đó là chưa nói đến việc xác định rõ và duy trì ranh giới giữa các lô là rất khó khăn. Vì ngay cả khi tiến hành phát tuyến ranh giới giữa các lô rừng xa khu dân cư thì thảm thực vật cũng sẽ mọc trở lại trong thời gian rất nhanh, làm mất ranh giới. Vì thế, cần thành lập các nhóm quản lý rừng để quản lý những lô rừng xa khu dân cư. Tốt nhất là những nhóm như thế gồm những người được nhận rừng gần nhau. Diện tích do mỗi nhóm quản lý cần phụ thuộc vào ranh giới tự nhiên hiện có và những đặc điểm dễ dàng phân định ranh giới.

Xây dựng các quy chế về phát triển rừng

Về điểm này, nhóm sẽ cùng thảo luận những vị trí nào và dưới những điều kiện nào là phù hợp cho việc trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên. Ngoài ra, một số dự án và chương trình (như 661) hỗ trợ việc trồng rừng thông qua hoạt động cung cấp cây giống cũng được nhóm giải thích rõ và thảo luận.

Xây dựng các quy định cụ thể đối với từng vùng hoặc từng chủ đề

Các chủ đề có thể đưa vào quy ước là (cũng cần xem xét các chủ đề này nếu quy định được xây dựng đối với từng địa điểm):

Xây dựng các quy định cụ thể về khai thác lâm sản (các loài thực vật)

Những quy định cụ thể về khai thác lâm sản cần cung cấp thông tin đầy đủ về những lâm sản được phép khai thác, khu vực, thời gian, đối tượng được phép khai thác, cách khai thác và số lượng được khai thác (bao nhiêu).

Khai thác cái gì? Trả lời câu hỏi này đề cập đến những loài là được phép khai thác và những điều kiện để có thể khai thác (ví dụ dựa trên cơ sở giai đoạn tăng trưởng, trưởng thành/chưa trưởng thành, còn sống/đã chết, hay phụ thuộc vào kích thước (như chỉ khai thác những cây mây có độ dài trên 5 m), hình dạng (như chỉ khai thác những cây cong queo, bị bệnh), mật độ/khoảng cách (như tỉa thưa), hay là chỉ được phép khai thác các bộ phận của cây (như cành, hoa, lá, quả, thân, rễ ...).

Khai thác ở đâu? Rừng được chia thành 3 chức năng: Chức năng đặc dụng, phòng hộ và sản xuất. Việc sử dụng các tài nguyên rừng phụ thuộc vào từng loại rừng nói trên, ví dụ không cho phép khai thác trong khu vực rừng đặc dụng (xem Phần 1). Bên cạnh đó, người dân cũng cần phải nắm rõ đối tượng chịu trách nhiệm về quản lý rừng hoặc là hiểu rõ đất lâm nghiệp đã được giao cho các hộ hay chưa, hay là vẫn thuộc sự quản lý của các Lâm trường quốc doanh hoặc Ban quản lý rừng phòng hộ? Cần quy định thêm về việc khai thác và sử dụng đối với từng khu vực, từng diện tích rừng cụ thể: khoanh nuôi, bảo vệ, tùy theo địa hình hoặc độ cao.

Khi nào? Hạn chế khai thác các sản phẩm vào mùa quả chín và/cấm khai thác vào mùa sinh sản nhằm thúc đẩy sự tái sinh. Thời gian hạn chế có thể là số ngày, tuần, tháng, mùa, năm hoặc nhiều năm.... Ví dụ quy định chỉ được phép lấy củ vào các ngày thứ 5 trong tuần tại một địa điểm cụ thể.

Ai? Ai được phép khai thác và sử dụng tài nguyên rừng trong thôn/bản? Người trong thôn, người ngoài thôn, và với những điều kiện nào? Trong quy ước cần phải quy định rõ ai được phép khai thác và sử dụng các tài nguyên rừng trong thôn: đối tượng (được phép), người dân trong thôn/bản, các nhóm hộ (nhóm sử dụng rừng) hay là các hộ cá nhân, cần có điều kiện gì để được khai thác.

Khai thác như thế nào? Câu hỏi này đề cập đến các phương pháp khai thác. Có rất nhiều phương pháp gây hại đến môi trường và quần thể các loài: các chất gây nổ và các loài cây độc, hay những phương pháp khai thác nguy hiểm như sử dụng súng săn bắn và bẫy lớn. Cần thảo luận chi tiết những công cụ nào được phép sử dụng để khai thác tài nguyên rừng, ví dụ loại lưới đánh bắt cá (mắt lưới cỡ nào là phù hợp), loại bẫy nào cần dùng.

Khai thác số lượng bao nhiêu? Giới hạn số lượng cho phép khai thác có thể làm giảm áp lực đối với tài nguyên rừng. Có thể quy định cụ thể số lượng (khối lượng) cây / con / các lâm sản, số lượng gánh, bó... được phép khai thác.

Quy ước cần nêu chi tiết những quy định quản lý rừng hiện có tại địa phương. Đặc biệt là các nhóm dân tộc thiểu số sống ở vùng sâu vùng xa thường có những quy định cụ thể về quản lý rừng như quy định bảo vệ những khu vực rừng linh thiêng. Quy ước BV&PTR mang lại cơ hội cho người dân tộc thiểu số hợp pháp hoá các quy định của chính họ và buộc người ngoài phải tuân thủ những quy định này. Xem ví dụ cụ thể về những quy định khai thác cây Sa nhân của đồng bào dân tộc Macoong trong bảng 2.

**Bảng 2: Khai thác Sa nhân của người dân tộc Macoòng
(Bru-Vân Kiều)**

Người Macoòng là nhánh thuộc dân tộc thiểu số Bru-Vân Kiều đã có những quy định cụ thể về khai thác cây Sa nhân theo hướng bền vững và chia sẻ quyền lợi giữa các hộ gia đình trong bản:

- Chỉ tiến hành khai thác Sa nhân khi chín trên toàn địa bàn thôn cùng một thời điểm. Và thời gian và địa điểm khai thác cây Sa nhân sẽ được quyết định thông qua cuộc họp bản. Không cho phép khai thác cây Sa nhân riêng lẻ.
- Mọi người dân trong bản sẽ được chia thành nhiều nhóm để tiến hành khai thác Sa nhân ở từng địa điểm khác nhau.
- Việc khai thác sa nhân trong bản thuộc sự quản lý của bản. Nếu ai muốn khai thác Sa nhân ở diện tích thuộc về bản khác thì phải được phép của trưởng bản.
- Chỉ tiến hành khai thác Sa nhân vào thời điểm quả chín (khoảng tháng 7 đến tháng 8 hàng năm).
- Cấm chặt cây để lấy quả.

Phát rừng làm rẫy

Mặc dầu tình trạng phát rừng làm rẫy đã được Nhà nước hạn chế nhưng vẫn còn tồn tại tại nhiều nơi ở vùng sâu, vùng xa. Chu kỳ đốt rừng làm rẫy, trồng trọt và sau đó bỏ hoang không phải là nguy hại một khi thời gian bỏ hoang đủ dài giúp đất hồi phục lại độ màu mỡ. Tuy nhiên, do áp lực từ dân số đông nên thời gian bỏ hoang hoá sau mỗi mùa làm nương thường bị rút ngắn, làm cho năng suất cây nông nghiệp thấp hơn hoặc thời gian canh tác ngắn hơn.

Phòng cháy chữa cháy rừng

Rừng rất dễ bị cháy, đặc biệt là vào cao điểm mùa hè ở Quảng Bình. Vì thế, kế hoạch phòng cháy chữa cháy rừng nên là một phần trong quy ước BV&PTR. Kế hoạch này là một thỏa thuận về các trách nhiệm cá nhân trong cộng đồng dân cư thôn bản để phòng cháy, chữa cháy rừng, thành lập tổ phòng cháy chữa cháy rừng và nêu rõ trách nhiệm, xử lý, bồi thường được áp dụng khi có cháy rừng.

Chăn thả gia súc

Sơ đồ rừng của thôn, bản sẽ được dùng làm cơ sở để xây dựng các quy định cụ thể về chăn thả gia súc. Trong khi xây dựng quy ước thể cần thảo luận để đưa ra các quy định cụ thể về việc chăn thả gia súc, như quy định khu vực chăn thả, mức bồi thường và xử lý trong trường hợp gia súc phá rừng trồng hoặc cây nông nghiệp.

Khai thác khoáng sản và vật liệu xây dựng

Việc có các quy định về khai thác khoáng sản và vật liệu xây dựng rất quan trọng đối với người dân sống tại các khu vực có núi đá vôi. Vì đá vôi là vật liệu xây dựng tốt nên rất nhiều người dân sử dụng đá vôi cho mục đích xây dựng. Hiện tượng sử dụng mỏ để khai thác khoáng sản và các loại vật liệu xây dựng có thể gây thiệt hại lớn và cần phải bị nghiêm cấm.

Săn bắn và khai thác động vật hoang dã

Các quy định cụ thể về việc săn bắn động vật hoang dã nên được xây dựng tương tự như các quy định cụ thể về khai thác các loài thực vật, bao gồm những loài

nào (con gì) được phép khai thác, khu vực (ở đâu?) và thời gian (khi nào?) được phép khai thác, đối tượng (ai?), cách thức (như thế nào?) và số lượng (bao nhiêu) được phép khai thác.

Bảng 3: Nhóm bảo vệ rừng của bản Arem

Ở bản Arem, xã Tân Trạch, tỉnh Quảng Bình đã thành lập một nhóm bảo vệ rừng nhằm đảm bảo việc thực hiện quy ước một cách có hiệu quả. Thành viên của nhóm này gồm: trưởng thôn, phó thôn và bí thư đoàn. Nhiệm vụ của nhóm này là:

- Kiểm tra và giám sát việc khai thác lâm sản của các hộ gia đình
- Nâng cao nhận thức và phổ biến nội dung quy ước bảo vệ rừng đến mọi người dân trong thôn/bản và những người ngoài thôn sống tại bản
- Động viên các hộ gia đình sống liền kề với rừng tuân thủ nội quy theo quy ước
- Không cho phép người nơi khác vào khu vực rừng của bản
- Tịch thu công cụ khai thác của những người ngoài khi có các hoạt động khai thác rừng trái phép.
- Đuổi gia súc ra rừng và giải thích cho các hộ gia đình việc chăn thả gia súc trong khu vực Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng là không được phép.
- Huy động mọi người dân tham gia vào các hoạt động phòng cháy, chữa cháy rừng và triển khai các khoá tập huấn cần thiết về các kỹ thuật phòng chống cháy rừng.
- Cữ người dân thay nhau đi tuần tra trong những khu vực rừng dễ cháy trong những tháng mùa khô. Trong trường hợp phát hiện cháy rừng thì phải báo cho mọi người dân trong thôn để phối hợp dập tắt đám cháy và không chế không để cháy lan rộng.
- Lập biên bản và gửi cấp có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm

Thành lập tổ giám sát rừng

Ngoài các vấn đề mang tính kỹ thuật được nêu rõ trong quy ước BV&PTR, cũng cần chú trọng đến cơ cấu tổ chức liên quan đảm bảo các quy định cụ thể được áp dụng người dân địa phương và người ngoài. Cũng có thể cần thiết phải thiết lập một cơ chế kiểm soát - ví dụ như người gác rừng, tổ bảo vệ rừng hay là người dân thay phiên nhau gác rừng. Và cần cụ thể hóa các chức năng của người gác rừng/tổ bảo vệ rừng và nhiệm vụ, quyền lợi, lợi ích cũng như trách nhiệm của người dân (xem ví dụ về nhiệm vụ của tổ giám sát rừng bản Arem trong bảng 3).

Xác định các thủ tục xử lý, bồi thường thiệt hại và thưởng.

Quy chế cần bao gồm cơ chế giải quyết các vụ vi phạm liên quan (chú ý là ở đây qui định xử lý vi phạm hành chính thì UBND xã có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm). Tuy nhiên, trách nhiệm của trưởng thôn đã được xây dựng trong quy ước có thể yêu cầu quy định bồi thường thiệt hại tài sản do đương sự gây ra tùy theo mức độ nặng nhẹ khác nhau. Một vài hình thức xử lý khác như cảnh cáo hoặc phê bình thông qua các cuộc họp thôn hoặc trên loa truyền thanh thôn. Cần tuyên dương những người áp dụng và thực hiện quy chế một cách tích cực và phổ biến kiến thức họ nắm được về quản lý rừng bền vững cho những người khác thông qua các cuộc họp thôn nhằm thúc đẩy việc thực hiện quy ước hiệu quả.

Quyết định về cách thức phổ biến quy ước BV&PTR trong thôn

Một trong những bài học kinh nghiệm rút ra từ việc xây dựng quy ước BV&PTR là người dân địa phương thường không nắm rõ quy ước đã được xây dựng. Vì thế cần thảo luận kỹ về cách phổ biến nội dung quy ước cho tất cả người dân trong cộng đồng dân cư thôn. Có thể phổ biến theo hình thức copy quy ước thành nhiều bản và phát cho mọi người dân hoặc làm bảng tin nội dung quy ước. Việc làm bảng tin có lợi thế là mọi người (kể cả người ngoài) biết được nội dung quy ước của thôn, và nội dung quy ước luôn luôn nhắc nhở mọi người.

1.3 Bước 3: Họp thôn thông qua Quy ước

Sau khi hoàn chỉnh bản thảo quy ước BV&PTR, cần phải tổ chức họp thôn để trình bày về nội dung bản thảo cho mọi người dân trong thôn, mỗi hộ phải cử một người tham gia trong cuộc họp, sau đó hội nghị thông qua nội dung quy ước. Nhóm dự thảo quy ước BV&PTR (xem mẫu biểu 4) cần trình bày rõ thông tin liên quan đến quy ước BV&PTR và sự cần thiết đối với công tác quản lý rừng bền vững.

Tất cả người dân trong thôn cần phải hiểu được quy ước BV&PTR là một công cụ hữu hiệu giúp họ quản lý tài nguyên rừng một cách bền vững. Và họ chính là những người hưởng lợi trực tiếp bởi vì quy ước này giúp họ đảm bảo được những nguồn tài nguyên rừng luôn có sẵn trong hiện tại và tương lai.

Trưởng thôn sẽ chủ trì cuộc họp, bầu thư ký làm nhiệm vụ viết biên bản và chỉnh sửa nội dung quy ước dựa trên ý kiến đóng góp phù hợp của người dân. Sau đó sẽ trình bày bản thảo quy ước BV&PTR; mỗi điều khoản trong quy ước đều được giải thích cụ thể và đưa ra thảo luận. Nội dung của một điều khoản chỉ được thông qua khi có ý kiến đồng ý của trên 50% tổng số thành viên tham gia. Cũng tại cuộc họp thôn, các điều khoản của quy ước sẽ được chỉnh sửa và/hoặc bổ sung thêm điều khoản/mục mới. Cuối cuộc họp, thư ký sẽ thông qua cho tất cả mọi người cùng nghe.

 Bước này được thực hiện trong thời gian từ 2 - 3 ngày

Bảng 4: Tóm tắt 1 bản Quy ước Bảo vệ và Phát triển rừng

Chương I: Một số nguyên tắc của quy ước của BV&PTR

Phần này bao gồm một số khái niệm mang tính pháp lý, mục tiêu cụ thể của quy ước đối với thôn bản, hiện trạng rừng của thôn, bản, tên địa phương của từng khu vực rừng nơi sẽ áp dụng các quy định trong quy ước.

Chương II: Những quy định cụ thể về BV&PTR

Những quy định cụ thể bao gồm những quyền và lợi ích của người dân trong thôn và một số quy định chi tiết về những hoạt động khai thác lâm sản cho phép hoặc không cho phép ví dụ như khai thác lâm sản, săn bắt và gây nuôi động vật, khai thác khoáng sản và vật liệu xây dựng tại một số địa điểm nằm trong khu vực của thôn. Phần này cũng bao gồm những quy định liên quan đến việc phát triển rừng như quy định về chăn thả gia súc, đốt rừng làm nương rẫy và phòng chống cháy rừng. Quy định về đền bù thiệt hại tài sản cũng cần được đề cập trong mục những quy định cụ thể.

Chương III: Những quy định chung

Những quy định chung nêu rõ những trách nhiệm và nghĩa vụ của người dân trong thôn liên quan đến những hoạt động BV&PTR và thủ tục quy định chung đối với việc xử lý và khen thưởng cho tất cả những ai tham gia tích cực vào công tác BV&PTR và khuyến khích những người khác thực hiện theo quy ước.

Chương IV: Tổ chức thực hiện

Phần này gồm việc thành lập, trách nhiệm và danh sách những thành viên của "Tổ Bảo vệ rừng" và "Tổ phòng chống cháy rừng" (thường là một tổ) và ngân sách hoạt động. Ngoài ra phần này còn đề cập đến các giai đoạn đánh giá công tác BV&PTR và khả năng xem xét. Ngoài ra, còn nêu rõ thời gian mà quy ước có hiệu lực.

1.4 Bước 4: Hoàn tất quy ước BV&PTR và trình các cấp để phê duyệt

Cấp thôn

Sau khi quy ước BV&PTR được trình bày, thảo luận, chỉnh sửa và chấp thuận trong buổi họp thôn, thôn sẽ trình quy ước lên UBND xã để phê duyệt. Trước khi trình quy ước từ thôn lên xã, quy ước phải được viết lại hoàn chỉnh theo một biểu mẫu rõ ràng.

Ngôn ngữ sử dụng trong quy ước nên đơn giản, ngắn gọn và chính xác, do vậy, việc sử dụng một số thuật ngữ phức tạp và không rõ ràng cần nên tránh để tất cả người dân trong thôn có thể hiểu được các điểm nêu trong quy ước. Xem ví dụ tại Phụ lục 4 về quy ước BV&PTR đã được phê duyệt của thôn Đa Năng (xã Hóa Hợp, huyện Minh Hóa)...

Trong thời hạn 5 ngày kể từ cuộc họp toàn thể ở cấp thôn, bản quy ước sẽ được gửi lên UBND xã.

Cấp xã

Trong thời hạn 3 ngày kể từ ngày nhận được dự thảo quy ước và Biên bản cuộc họp thôn, Chủ tịch UBND xã phải lập văn bản đề nghị UBND huyện phê duyệt quy ước và gửi kèm theo quy ước và Biên bản cuộc họp cộng đồng dân cư thôn.

Trong trường hợp không đồng ý với quy ước thì UBND xã gửi cho Trưởng thôn và Nhóm quản lý rừng thôn và hướng dẫn sửa đổi, hoàn chỉnh.

Cấp huyện

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi dự thảo quy ước và yêu cầu Phòng Tư pháp chủ trì phối hợp Hạt Kiểm lâm cấp huyện thẩm định quy ước.

Trường hợp không đồng ý với dự thảo quy ước hoặc văn bản của UBND xã thì Ủy ban nhân dân cấp huyện phải gửi trả ngay cho Ủy ban nhân dân cấp xã yêu cầu sửa đổi, hoàn chỉnh.

Trong thời hạn 06 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Phòng Tư pháp tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định công nhận quy ước (phụ lục số 01 kèm theo).

Trường hợp không đồng ý thì trả lời bằng văn bản và gửi về cho UBND xã.

1.5 Bước 5: Phổ biến nội dung quy ước BV&PTR tại thôn

Trong thời gian từ 2 đến 4 ngày có Quyết định phê duyệt của UBND huyện thì Thôn phải triển khai phổ biến nội dung quy ước đến tận người dân trong thôn, bản và các thôn, bản lân cận

Cách thức phổ biến quy ước BV&PTR phụ thuộc vào ý kiến thảo luận và thống nhất trong cuộc họp thôn về chủ đề này. Ví dụ, phổ biến nội dung thông qua hệ thống loa truyền thanh của thôn, thông qua các cuộc họp thôn và các hoạt động cộng đồng, tờ rơi, bảng tin và phân phát những bản phôtô của quy ước. Nội dung quy ước trên bảng tin cần đầy đủ, đơn giản và tốt nhất là kèm thêm sơ đồ tài nguyên thôn. Xem thêm ví dụ trong Bảng 5.

Bảng 5: Quy định BV&PTR thôn bản tại thôn Đồng Phú, xã Đồng Hoá

Tất cả mọi người dân trong thôn và cả những người bên ngoài cần tuân theo những quy định sau:

- Khai thác gỗ chỉ được phép khi có giấy phép chấp thuận của UBND huyện.
- Chỉ cho phép người dân trong thôn Đồng Phú xã Đồng Hoá
- Cấm người dân xã Đồng Phú khai thác sản phẩm phi gỗ tại khu Ông Bàng.
- Không cho phép đốt rừng làm rẫy trong khu Ông Bàng và Ông Nghĩa.
- Không cho phép chăn thả gia súc trong khu vực mới trồng cây và khu vực nghĩa địa.
- Không cho phép săn bắt/bẫy chim trong khu vực thôn bản.

Nếu ai vi phạm những quy định trên thì tùy theo mức độ nặng nhẹ bị thôn xử lý đền bù thiệt hại tài sản hoặc gửi lên UBND xã để xử phạt vi phạm hành.

1.6 Bước 6: Thực hiện, giám sát và đánh giá

Sau khi đã được cấp huyện phê duyệt, cần tổ chức thêm một cuộc họp thôn để tiến hành thông báo cho mọi người dân phải thực hiện nghiêm túc quy ước đã được phê duyệt.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Bình

Tăng cường giám sát kiểm tra việc thực hiện quy ước những vấn đề khó khăn. Đánh giá tính hiệu quả của quy ước BV&PTR

Hướng dẫn người dân lập cuốn sổ ghi lại các vụ vi phạm quy ước trong diện tích rừng của thôn.

Có thể áp dụng mẫu dưới đây để theo dõi những hành vi vi phạm quy ước BV&PTR của thôn/bản.

Mẫu theo dõi hành vi vi phạm quy ước BV&PTR

Ngày tháng	Hành vi	Địa điểm	Tên, địa chỉ của người vi phạm	Hình thức xử lý	Tên của người xử lý	Nhận xét

Theo thông tư 70, cần phải tiến hành điều tra đánh giá 06 tháng/lần để đánh giá tính hiệu quả của Quy ước và sự cần thiết phải bổ sung quy ước.

Mục đích của công tác giám sát đánh giá quy ước bảo vệ và phát triển rừng (quy ước BV&PTR) là nâng cao nhận thức cho người dân về công tác bảo vệ rừng. Đồng thời, giúp người dân kịp thời điều chỉnh những thiếu sót hoặc những tồn tại của quy ước BV&PTR nhằm đảm bảo cho quy ước phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương cũng như phù hợp với các văn bản pháp luật của nhà nước.

Để giảm gánh nặng cho cán bộ kiểm lâm cấp huyện và để tăng cường sự tự giác về kết quả giám sát đánh giá thì người dân cùng với sự hỗ trợ một phần của cán bộ xã tự tiến hành công tác đánh giá một năm hai lần theo phiếu điều tra đã có (xem phụ lục 7 về phiếu điều tra đánh giá trong nội bộ thôn).

Vào cuối năm, cán bộ kiểm lâm cấp huyện sẽ tiến hành một cuộc điều tra về công tác giám sát đánh giá- đây là sự chuẩn bị cho bản báo cáo hàng năm trình lên chính quyền cấp tỉnh và cấp huyện (xem phụ lục 8 về phiếu điều tra đánh giá bên ngoài).

Cấu trúc của phiếu điều tra gồm ba phần chính:

1. Đánh giá quá trình xây dựng trong phạm vi một năm sau khi xây dựng quy ước.
2. Đánh giá kiến thức hiện có về quy ước BV&PTR trên cơ sở sáu tháng.
3. Đánh giá việc thực hiện trên cơ sở sáu tháng.

Về công tác chuẩn bị cho việc giám sát đánh giá bao gồm các hoạt động sau:

Ở cấp huyện:

- Xác định các địa bàn cần điều tra (Bao gồm các thôn bản)

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Bình

- Chỉnh sửa và cập nhật phiếu điều tra.
- In ấn và copy phiếu điều tra.
- Mua văn phòng phẩm cần thiết.

Ở cấp xã:

Phần đánh giá nội bộ

- Phân công cán bộ xã hướng dẫn người dân điền vào phiếu điều tra.
- Thông báo cho các thôn bản liên quan về kế hoạch thực hiện.
- Phát các phiếu điều tra đánh giá trong dân cho cộng đồng dân cư.

Phần đánh giá bên ngoài

- Phân công cán bộ cấp xã hỗ trợ cán bộ kiểm lâm trong quá trình điều tra giám sát đánh giá.
- Thông báo cho các thôn bản liên quan về kế hoạch thực hiện.

Ở cấp thôn

- Thống nhất kế hoạch và các bước làm việc.
- Phân công nhiệm vụ cho Ban Quản lý rừng của thôn.
- Thông báo cho các hộ gia đình kế hoạch làm việc và các mục tiêu của công tác giám sát đánh giá.

Về công tác thu thập số liệu cho giám sát đánh giá bao gồm các hoạt động sau:

Phần đánh giá nội bộ:

Lựa chọn 10 nông dân nòng cốt để điền vào phiếu điều tra (có mẫu đại diện của số người dân trong thôn). Cán bộ xã sẽ hỗ trợ cho người dân nếu cần.

Phần đánh giá bên ngoài:

Các cán bộ kiểm lâm sẽ tiến hành phỏng vấn một nhóm gồm 10 nông dân chủ chốt theo phiếu điều tra đã có.

Ngoài ra, cán bộ kiểm lâm cùng với người dân tiến hành đánh giá thực trạng tài nguyên rừng hiện có bằng phương pháp đi lát cắt.

Ngoài việc theo dõi các vụ vi phạm, cần phải có sự đánh giá tài nguyên rừng sẵn có tại địa bàn để giám sát tác động của quy ước (Xem phần những kỹ thuật đơn giản để tiến hành việc đánh giá tài nguyên ở phụ lục 5).

Về việc phân tích dữ liệu hệ thống giám sát đánh giá bao gồm các hoạt động sau:

Các kết quả đánh giá nội bộ do Ban Quản lý rừng của thôn thu thập và do cán bộ nông lâm xã gửi lên chính quyền xã.

UBND xã sẽ thông qua các kết quả đó và gửi số liệu đến Hạt Kiểm Lâm. Hạt Kiểm Lâm phân tích kết quả và đưa ra những điều chỉnh bổ sung cần thiết cho nội dung của quy ước.

Các kết quả đánh giá sẽ được đưa vào báo cáo năm để trình lên cấp tỉnh.

Các điểm điều chỉnh bổ sung phải được trình lên Phòng Tư pháp huyện trước khi người dân đưa vào áp dụng thực tế.

Phản hồi những điều chỉnh đối với người dân

Sau khi các đề xuất của xã được Hạt Kiểm Lâm và Phòng Tư pháp huyện phê duyệt, cán bộ kiểm lâm sẽ tổ chức cuộc họp thôn để điều chỉnh bổ sung nội dung quy ước.

Phê duyệt và phổ biến quy ước BV&PTR

Sau khi quy ước BV&PTR của thôn được điều chỉnh sẽ được trình lên UBND xã và xã trình lên UBND huyện phê duyệt.

1.7. Phân cấp nhiệm vụ và trách nhiệm trong khi xây dựng quy ước

UBND tỉnh

- Ban hành các cơ chế chính sách, tổ chức hướng dẫn việc xây dựng, thực hiện quy ước đến các đối tượng quy định tại khoản 2 mục I Thông tư 70 phù hợp với điều kiện thực tế địa.
- Chỉ đạo các cơ quan nhà nước có liên quan ở địa phương lồng ghép các chương trình dự án trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ, phát triển rừng để góp phần xây dựng, thực hiện quy ước.

UBND huyện

- Chỉ đạo Hạt Kiểm lâm, Phòng Tư pháp hướng dẫn, kiểm tra và phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã và cộng đồng dân cư thôn trong việc xây dựng, thực hiện quy ước.
- Bảo đảm kinh phí xây dựng và thực hiện quy ước theo tổng hợp dự toán chi xây dựng và thực hiện quy ước của từng cộng đồng dân cư thôn của Ủy ban nhân dân xã.
- Việc cấp, phát, thanh, quyết toán kinh phí xây dựng và tổ chức thực hiện quy ước thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách và các văn bản hướng dẫn liên quan.
- Quyết định công nhận quy ước.

UBND xã

- Lập kế hoạch xây dựng quy ước trình Ủy ban nhân dân cấp huyện và Hạt Kiểm.
- Hàng năm, tổng hợp dự toán chi xây dựng và thực hiện quy ước của từng cộng đồng dân cư thôn trong dự toán ngân sách trình Hội đồng nhân dân xã xem xét quyết định.
- Đôn đốc, hướng dẫn cộng đồng dân cư thôn xây dựng, thực hiện quy ước; phối hợp với Kiểm lâm địa bàn hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy ước.
- Giải quyết những tranh chấp về xây dựng, thực hiện quy ước theo thẩm quyền.

Sở NN&PTNT

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành chính sách liên quan đến quản lý rừng cộng đồng, xây dựng, thực hiện quy ước.
- Xây dựng các tiêu chí và chỉ tiêu giám sát, đánh giá, hướng dẫn thực hiện việc quản lý rừng cộng đồng và thực hiện quy ước phù hợp với điều kiện thực tế địa phương.

Chi cục Kiểm lâm

- Chủ trì, phối hợp Chi cục Lâm nghiệp và Sở Tư pháp tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn cụ thể xây dựng, thực hiện quy ước phù hợp điều kiện thực tiễn của địa phương.
- Chỉ đạo các Hạt Kiểm lâm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã hỗ trợ cho cộng đồng dân cư thôn xây dựng, thực hiện quy ước theo quy định tại Thông tư này.
- Định kỳ 6 tháng, hàng năm tổng hợp tình hình xây dựng, thực hiện quy ước trên địa bàn báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Cục Kiểm lâm.

Hạt Kiểm lâm

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã và Kiểm lâm địa bàn phối hợp Trưởng thôn xây dựng, thực hiện quy ước;
- Định kỳ 6 tháng, hàng năm tổng hợp tình hình xây dựng, thực hiện quy ước báo cáo Chi cục Kiểm lâm

Trưởng thôn

- Chủ trì việc xây dựng, thực hiện và giám sát, đánh giá quy ước theo hướng dẫn tại Thông tư 70.
- Chủ trì cùng các tổ chức chính trị - xã hội cơ sở và già làng tổ chức việc hoà giải những tranh chấp, vi phạm quy ước.

Nhóm Quản lý rừng cấp thôn

- Trưởng thôn hoặc cán bộ thôn sẽ được chỉ định làm trưởng nhóm Quản lý rừng cấp thôn. Thành viên của nhóm Quản lý rừng cấp thôn được lựa chọn từ các cơ quan đại chúng như Đảng uỷ, Hội nông dân, Hội cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên, v.v...
- Trưởng nhóm chịu trách nhiệm thực hiện và giám sát các hoạt động liên quan trong cộng đồng thôn.
- Chủ trì việc xây dựng và thực hiện kế hoạch giải ngân Quỹ bảo vệ và phát triển rừng.
- Lập báo cáo định kỳ tình hình thực hiện quản lý rừng tại đại phương.
- Lập nhóm công tác về quản lý rừng cộng đồng.
- Lập nhóm giám sát rừng
- Quy ước chỉ được thông qua ở cộng đồng dân cư thôn khi có trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn biểu quyết tán thành.

Các thành viên trong cộng đồng

- Tham gia các cuộc họp thôn và tích cực đóng góp ý kiến trong quá trình ra quyết định liên quan đến các quy định quản lý rừng cấp thôn. Do phụ nữ là một đối tượng sử dụng rừng quan trọng, nên việc tham gia và đóng góp ý kiến trong các cuộc họp thôn của thôn viên là phụ nữ là một điều kiện tiên quyết dẫn đến sự thành công trong xây dựng và thực hiện quy ước.
- Chỉ định thư ký để lập biên bản hội nghị và tập hợp các kết quả thảo luận.

PHẦN II

HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN QUY ƯỚC BV&PTR

Trong phần này, một số hướng dẫn thực hành xây dựng và tổ chức thực hiện quy ước BV&PTR bao gồm:

2.1 Hop giới thiệu việc xây dựng bản thảo quy ước BV&PTR

Xây dựng quy ước BV&PTR chỉ có thể thành công khi có sự tham gia tích cực của các đối tác địa phương. Chính vì thế, các hoạt động có sự tham gia được phát huy nhằm khuyến khích người dân trong thôn tham gia đầy đủ vào việc xây dựng quy ước BV&PTR phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương.

Đối với hầu hết những người dân địa phương, phương pháp tiếp cận này còn rất mới mẻ. Vì thế, để người dân hiểu được những gì họ mong đợi từ cuộc họp và ngược lại là điều rất quan trọng.

Mục tiêu:

- Nhằm tạo ra sự hợp tác để người dân tham gia biết được những nội dung để xây dựng quy ước.
- Người dân tham gia có một tổng quan chung về các phương pháp và những chuẩn bị dự thảo quy ước BV&PTR.

Thời gian: 45 phút

Vật liệu: Giấy A0 kèm nội dung phương pháp các bước, băng keo và đinh gim.

Các bước họp thôn

1. Chào đón tất cả mọi người tham gia cuộc họp thôn và giải thích mục đích cuộc họp, giới thiệu cho bà con chương trình xây dựng quy ước BV&PTR. Giới thiệu bản thân và để bà con tự giới thiệu về họ.
2. Hỏi ý kiến bà con tham gia liệu họ có nhất trí về thời gian bắt đầu, kết thúc, nghỉ ăn trưa và một số vấn đề khác nếu cần.
3. Thăm dò ý kiến bà con tại sao quy ước BV&PTR cần phải được xây dựng. Hỏi tất cả những người tham gia về tầm quan trọng của việc duy trì bảo vệ rừng. Nếu cần thiết, giải thích cho họ về các chức năng vai trò của rừng (xem phụ lục 2 về chức năng của rừng nhiệt đới Việt Nam).
4. Giải thích các bước của xây dựng quy ước BV&PTR như đã mô tả trong phần 1 của tài liệu này (trước đây đã được chuẩn bị trên giấy A0)
5. Giải thích cho bà con những nguyên tắc cơ bản đối với việc xây dựng quy ước BV&PTR, làm cho họ hiểu được rằng những quy ước này là của dân, do dân xây dựng nên. Trong hai ngày họp thôn, dự thảo quy ước sẽ được xây dựng trên cơ sở ý kiến đóng góp của tất cả những thành viên tham gia họp thôn. Những ý kiến

đóng góp này là hết sức quan trọng vì thế mọi người cần tôn trọng ý kiến của nhau. Bao gồm ý kiến đóng góp của chị em phụ nữ, người nghèo và những người tàn tật cũng cần được tôn trọng và bổ sung vào quy ước.

6. Hỏi bà con xem họ có còn câu hỏi, thắc mắc nào không và giải thích, làm rõ nếu cần thiết.

2.2 Xây dựng mục tiêu của quy ước BV&PTR

Trước khi quyết định tài nguyên rừng được sử dụng như thế nào và những hạn chế nào được áp dụng, tốt nhất là để cho cộng đồng thống nhất về cái mà họ muốn đạt được thông qua quy ước. Điều này sẽ giúp cộng đồng xác định những qui định có thể giúp họ đạt được các mục tiêu tốt hơn.

Mục tiêu

- Thống nhất về các mục tiêu của quy ước BV&PTR.

Thời gian: 30 phút

Vật liệu: Giấy A0, bìa màu, bút viết giấy, băng dính (hay kẹp)

Các bước:

1. Giải thích mục tiêu và tiến trình của cuộc họp cho các thành viên tham gia.
2. Yêu cầu các thành viên tham gia chia làm các nhóm và thảo luận về mục đích của việc xây dựng quy ước BV&PTR và kết quả mong muốn khi có quy ước BV&PTR. Yêu cầu mỗi nhóm thảo luận và đưa ra được một mục tiêu đối với quy ước (*thời gian cho mỗi nhóm thảo luận và viết ra mục tiêu là 15 phút*).
3. Yêu cầu mỗi nhóm chọn một đại diện để trình bày kết quả thảo luận của cả nhóm trước toàn thể.
4. Sau khi các nhóm trình bày xong, thúc đẩy thảo luận toàn thể, nhấn mạnh vào điểm khác biệt để cuối cùng thảo luận chung đưa ra được các mục tiêu.
5. Viết rõ các kết luận chính lên giấy A0. Giải thích rõ các mục tiêu của quy ước sẽ là một phần nội dung của quy ước.

2.3 Lợi ích và nhiệm vụ của người dân

Thảo luận về lợi ích và nhiệm vụ liên quan đến bảo vệ và phát triển rừng là rất quan trọng để khuyến khích người dân quản lý tài nguyên rừng của chính họ một cách bền vững. Sơ đồ thôn là dụng cụ hữu ích giúp người dân làm rõ những lợi ích và nghĩa vụ của họ trong mỗi khu vực rừng.

Mục tiêu

- Làm rõ và thảo luận lợi ích và nhiệm vụ của người dân trong mỗi khu vực rừng.

Thời gian 30 phút

Vật liệu Giấy A0, bút viết giấy, bút chì hoặc bút bi, băng dính.

Các bước tiến hành

1. Trình bày mục tiêu, thời gian cần thiết và vai trò của các thành viên tham gia trong bài tập này.
2. Giải thích rõ quy ước BV&PTR phải đề cập đến tất cả diện tích rừng trong thôn. Chủ rừng phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quy ước BV&PTR trên diện tích rừng của chính họ. Có thể tách quyền làm chủ và trách nhiệm quản lý của các chủ rừng theo các loại rừng như sau:
 - a) Diện tích rừng tự nhiên và rừng trồng thuộc sự quản lý của thôn hoặc xã
 - b) Diện tích rừng thuộc sự quản lý của các Lâm trường, Ban quản lý rừng phòng hộ hoặc Ban quản lý rừng đặc dụng
 - c) Diện tích rừng được giao khoán theo hợp đồng cho các hộ gia đình.
 - d) Diện tích đất lâm nghiệp đã giao cho các hộ, có sổ đỏ.
 - e) Diện tích đất lâm nghiệp được giao cho các nhóm hộ, có sổ đỏ.
 - f) Diện tích đất lâm nghiệp mà các hộ gia đình đã đầu tư vào trồng rừng.
3. Nêu rõ tầm quan trọng của quy ước BV&PTR đối với diện tích rừng trong loại a)
4. Tất cả diện tích đất lâm nghiệp, đất rừng thuộc sự quản lý của các Lâm trường hoặc các BQL đều được quản lý bởi các tổ chức có trách nhiệm.
5. Giải thích rõ với người dân là đối với những diện tích đất lâm nghiệp như nêu trong mục c), d) và e) thì lợi ích và quyền và nghĩa vụ của người dân đã được quy định rõ trong các hợp đồng giao khoán bảo vệ rừng và trong sổ đỏ (*Nếu cần thiết thì nêu rõ và giải thích lại những lợi ích, quyền và nghĩa vụ liên quan*).
6. Giải thích rõ rằng trong trường hợp f) nói trên thì hộ gia đình đã đầu tư trồng rừng có quyền khai thác các lợi ích từ diện tích rừng họ đã trồng khi rừng đạt độ tuổi khai thác, và phải nộp thuế cho nhà nước. Trong trường hợp này người đầu tư cần đảm bảo tuân thủ quy ước BV&PTR.
7. Xem xét lại quyền và lợi ích của họ đưa ra trong việc tiếp cận các lâm sản cần thiết đã phù hợp theo luật định chưa. Đặc biệt là phải chú trọng đến người nghèo hay các nhóm thiệt thòi trong thôn vì có thể họ không có quyền tiếp cận lâm sản một cách chính thức.
8. Trong trường hợp có một số người dân trong thôn (như người nghèo) không được nhận đất nhận rừng và không được tiếp cận rừng ở những khu vực khác thì cần thảo luận làm thế nào và với những điều kiện gì, họ có thể tiếp cận được những lâm sản cần thiết cho cuộc sống của họ (như củi).
9. Tổng hợp kết quả thảo luận lên giấy A0 và thảo luận để thống nhất các điểm chung.
10. Tóm tắt kết quả; giải thích rõ ràng các kết quả thống nhất đưa vào quy ước BV&PTR. Kết thúc bài tập.

2.4 Xây dựng sơ đồ tài nguyên rừng của thôn

Lập sơ đồ tài nguyên rừng của thôn là bước cần thiết nhằm giúp người dân hình dung được các địa điểm, khu vực rừng khác nhau, hiện trạng rừng và việc sử dụng rừng hiện tại. Cũng có thể sử dụng sơ đồ tài nguyên rừng của thôn trong suốt các cuộc thảo luận để xây dựng quy ước BV&PTR.

Tổ chức đi thực địa để giúp người dân kiểm tra được các số liệu thể hiện trên sơ đồ. Nếu cần thiết, cần điều chỉnh các số liệu trên sơ đồ cho đúng với số liệu thu được từ chuyến đi thực tế.

Mục tiêu

- Hình dung, xác định được những khu vực rừng khác nhau, địa điểm, hiện trạng và thực tế khai thác, sử dụng tại mỗi khu vực.

Thời gian 2 tiếng

Vật liệu Giấy A0, bút viết bảng, bút chì hoặc bút bi, băng dính. Trong trường hợp làm sa bàn trên đất thì cần đến bột màu, phấn màu (với các màu khác nhau) để giúp phân biệt được các khu vực rừng khác nhau.

Các bước tiến hành

1. Giải thích rõ các mục tiêu, thời gian cần thiết và vai trò của các thành viên tham gia.
2. Yêu cầu các thành viên tham gia (qua thảo luận toàn thể hoặc thảo luận nhóm) vẽ sơ đồ thôn, bản của họ, thể hiện rõ diện tích rừng trong thôn; bắt đầu vẽ từ đường, sông, suối, kim chỉ hướng Bắc/Nam, khu dân cư, ... để dễ hình dung những chi tiết khác.
3. Yêu cầu các thành viên tham gia:
 - vẽ rõ địa điểm rừng của họ trên bản đồ.
 - đánh dấu những khu vực rừng được phân loại là “Rừng sản xuất”, “Rừng phòng hộ”, và “Rừng đặc dụng” và ghi rõ tên địa phương của những khu vực rừng nói trên;
 - chỉ rõ đặc điểm của rừng như gỗ, củi, rau quả, mây, tre, nấm, mật ong và các lâm sản ngoài gỗ khác, diện tích chăn thả ...(đầu tiên có thể viết rõ những thông tin này trên những mảnh giấy nhỏ).
4. Trong khi vẽ sơ đồ, khuyến khích các thành viên tham gia thảo luận về các đặc điểm của những khu vực rừng đã được xác định, về những loài có ích hiện có và hiện trạng rừng. Những câu hỏi có thể giúp người hướng dẫn vẽ được sơ đồ tài nguyên rừng của thôn:
 - Ranh giới của rừng phòng hộ, rừng sản xuất và rừng đặc dụng trong thôn ở đâu?
 - Hiện trạng rừng: đất trống đồi trọc, rừng nghèo, rừng trung bình hoặc rừng giàu?
 - Bà con thôn bản thường khai thác gỗ, củi, mây, tre, cây thuốc ... ở đâu?
 - Khu vực chăn thả gia súc (trâu, bò) ở đâu?
 - Những khu vực nào phù hợp để trồng rừng?
5. Yêu cầu một thành viên tham gia vẽ sơ đồ tài nguyên rừng của thôn theo các thông tin của tất cả thành viên đưa ra và điều chỉnh sơ đồ nếu cần thiết. Sau khi vẽ xong sơ đồ, có thể yêu cầu các thành viên tham gia đi thực địa đến các khu vực rừng và kiểm tra lại ranh giới và đặc điểm của rừng.
6. Thông thường sơ đồ thường có nhiều điểm điều chỉnh, nên có thể yêu cầu hai hoặc 3 thành viên vẽ lại sơ đồ, thể hiện các thông tin rõ ràng hơn (Có thể vẽ lại sơ đồ mới vào buổi tối. Đừng quên để lại giấy A0, bút viết giấy, bút chì màu để thành viên được yêu cầu vẽ lại sơ đồ lần cuối).

7. Tóm tắt kết quả; nêu rõ rằng sơ đồ này sẽ là một phần quan trọng trong quy ước BV&PTR. Kết thúc bài tập. Treo sơ đồ lên tường để tất cả mọi người cùng tham khảo.

Ghi chú: Trong trường hợp có bản đồ hiện trạng rừng của xã, có thể trình bày lại bản đồ này để tham khảo trong các cuộc thảo luận.

2.5 Phân tích các vấn đề khó khăn liên quan đến công tác BV&PTR

Có thể có những vấn đề/khó khăn liên quan đến công tác bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn thôn liên quan đến tất cả mọi người dân. Mục đích của bài tập này là xác định những vấn đề khó khăn chính và phân tích các nguyên nhân dẫn đến những khó khăn đó. Việc phân tích, làm rõ các nguyên nhân sẽ là cơ sở để xây dựng quy định cụ thể của quy ước nhằm hướng đến giải quyết các vấn đề khó khăn.

Mục tiêu

- Xác định các vấn đề khó khăn liên quan đến việc bảo vệ và phát triển rừng
- Xác định các nguyên nhân dẫn đến những khó khăn trên

Thời gian

1 tiếng

Vật liệu

Giấy A0, bút viết giấy, kẹp, thẻ màu, sơ đồ tài nguyên thôn

Các bước tiến hành

1. Giải thích rõ các mục tiêu, thời gian cần thiết và vai trò của các thành viên tham gia.
2. Phát thẻ màu (hoặc giấy A4) cho tất cả các thành viên tham gia và yêu cầu họ ghi ít nhất một vấn đề/ khó khăn liên quan đến việc bảo vệ và phát triển rừng mà họ cho là quan trọng nhất và cần được đưa vào quy ước BV&PTR lên thẻ màu (mỗi thẻ chỉ ghi một vấn đề).
3. Thu lại các thẻ màu đã có thông tin và nhóm các thẻ màu này theo chủ đề của các vấn đề/khó khăn khác nhau ghi trên thẻ.
4. Thảo luận về các vấn đề khó khăn chính đã nêu ra và lập danh sách các vấn đề khó khăn lên giấy A0.
5. Chia nhóm và yêu cầu mỗi nhóm thảo luận về một vấn đề khó khăn được đề cập:
 - Vấn đề này thường gặp ở đâu (ở tất cả các khu vực rừng hay chỉ ở một số địa điểm nhất định)?
 - Đối tượng gây ra khó khăn (người dân thôn bản, người ngoài, một số nhóm người nhất định)?
 - Tại sao lại có khó khăn này?
 - Vấn đề khó khăn này thường xuất hiện vào khi nào (trong cả năm, vào một số khoảng thời gian cụ thể trong năm)?(Nếu có nhiều vấn đề được nêu lên, có thể yêu cầu mỗi nhóm thảo luận và phân tích những vấn đề khác nhau).
6. Yêu cầu các thành viên tham gia viết ra các kết quả thảo luận theo biểu mẫu sau:

Phân tích thực trạng

Các vấn đề khó khăn (Cái gì)	Địa điểm (Ở đâu)	Thời gian (khi nào)	Đối tượng chịu trách nhiệm (Ai?)	Nguyên nhân (Tại sao)

7. Yêu cầu đại diện của mỗi nhóm trình bày kết quả thảo luận và khuyến khích những thành viên khác đóng góp ý kiến, đưa ra các câu hỏi.
8. Nếu các thành viên tham gia đồng ý với bảng phân tích vấn đề/thực trạng, thì cần tóm tắt kết quả và ghi rõ các vấn đề lên giấy A0.
9. Tóm tắt kết quả; giải thích rõ ràng các kết quả thống nhất sẽ được đưa vào quy ước BV&PTR. Kết thúc bài tập.

2.6 Thành lập nhóm quản lý rừng

Trong bước này, các bên tham gia sẽ cùng quyết định liệu có cần thành lập các nhóm quản lý rừng để phối hợp công tác quản lý đất rừng được giao cho các hộ gia đình – những phần diện tích cách xa khu vực dân cư. Và hiện tại, những phần diện tích đó không được quản lý một cách phù hợp do ranh giới không rõ ràng.

Mục tiêu

1. Thảo luận và thống nhất về việc thành lập các nhóm quản lý rừng
2. Lập kế hoạch thời gian về việc thành lập các nhóm
3. Thảo luận các cơ chế chia sẻ trách nhiệm và lợi ích chung giữa các thành viên trong nhóm

Thời gian 1,5 tiếng

Vật liệu Giấy A0, bút viết giấy, kẹp, bản đồ giao đất giao rừng, sơ đồ thôn, danh sách liệt kê các vấn đề khó khăn, vướng mắc (theo bảng biểu đã được chuẩn bị trong bài tập trên)

Các bước tiến hành

1. Giải thích rõ các mục tiêu, thời gian cần thiết và vai trò của các thành viên tham gia.
2. Hướng dẫn thảo luận chung bằng cách hỏi người dân cùng thảo luận về những vấn đề sau:
 - Diện tích đất lâm nghiệp - đã được giao cho các hộ gia đình, nằm cách khá xa khu dân cư - được quản lý như thế nào?
 - Công tác quản lý gặp phải những khó khăn, vướng mắc gì?
 - Làm thế nào để khắc phục, giải quyết những khó khăn, vướng mắc đó?
 - Việc thành lập các nhóm quản lý rừng có những thuận lợi và khó khăn nào?
3. Nếu các thành phần tham gia đồng ý thành lập các nhóm quản lý rừng, thì chia thành các nhóm nhỏ để thảo luận. Mỗi nhóm sẽ đại diện chọn một địa điểm rừng đã được xác định trong bước vừa rồi và thảo luận cụ thể, chi tiết về việc thành lập các nhóm quản lý rừng. Yêu cầu mỗi nhóm phải thảo luận các điểm như sau:

- Có thể thành lập bao nhiêu nhóm quản lý rừng để có thể quản lý diện tích rừng nói trên một cách hiệu quả và phù hợp (tận dụng các đặc điểm tự nhiên có sẵn để làm ranh giới)?
 - Những hộ gia đình nào nên tham gia vào các nhóm (nếu có thể thì các hộ nhận được diện tích rừng gần nhau sẽ tham gia cùng nhóm)?
 - Trách nhiệm và lợi ích chung của mỗi nhóm là gì?
 - Làm thế nào để chia sẻ trách nhiệm và lợi ích giữa các thành viên trong nhóm?
4. Hỏi đại diện của mỗi nhóm trình bày về nhận định/những phát hiện của nhóm.
 5. Yêu cầu tất cả các thành viên tham gia đặt câu hỏi thảo luận, làm rõ sau mỗi bài trình bày. Khuyến khích và hướng dẫn thảo luận.
 6. Chuẩn bị bảng biểu cuối cùng (hoặc tóm tắt cuối cùng) nêu rõ tất cả các thông tin của các nhóm khác nhau.
 7. Tổng kết và tóm tắt các kết quả chính của bước tiến hành.

Ghi chú: Thông thường, ban đầu người dân địa phương không muốn hình thành các nhóm mà muốn tự quản lý diện tích lô đất theo từng hộ gia đình. Tuy nhiên, khi người dân hiểu rõ những thuận lợi của việc thành lập nhóm và nhận thấy việc tự quản lý diện tích đất rừng đã được chia theo từng cá nhân hộ đối với những phần diện tích xa khu dân cư là không khả thi thì họ sẽ ủng hộ việc thành lập các nhóm quản lý rừng.

Khi thành lập, các thành viên trong nhóm cần cử ra người làm trưởng nhóm và một người làm phó trưởng nhóm chịu trách nhiệm điều phối tổ chức và hoạt động của nhóm. Ngoài ra, nhóm cũng cần thảo luận chi tiết về cơ chế chia sẻ trách nhiệm và quyền lợi trong nhóm.

2.7 Xây dựng các quy định cụ thể về phát triển rừng

Trong phần này, các thành viên tham gia sẽ quyết định các địa điểm nên triển khai trồng rừng. Cung cấp thêm các thông tin về các chương trình hỗ trợ trồng rừng của nhà nước và của các chương trình khác.

Mục tiêu

- Thảo luận và thống nhất các địa điểm, khu vực cần phát triển rừng
- Cung cấp thông tin về các chương trình hỗ trợ trồng rừng

Thời gian 1 tiếng

Vật liệu Giấy A0, bút viết bảng, băng dính, bản đồ giao đất giao rừng, sơ đồ thôn, danh sách liệt kê các vấn đề khó khăn chính của thôn

Các bước tiến hành

1. Giải thích rõ các mục tiêu, thời gian cần thiết và vai trò của các thành viên tham gia.

2. Nêu rõ lợi ích và quyền hạn của những hộ gia đình trồng rừng trên phần diện tích đất được giao (theo Quyết định số 178/2001/QĐ-TTg).
3. Giới thiệu phần hỗ trợ mà các hộ có thể được nhận để trồng rừng (như thông qua Chương trình 661), bao gồm những hỗ trợ về kỹ thuật, tài chính và hiện vật (như cấp cây giống hoặc mua cây giống với giá thấp hơn).
4. Thảo luận về những phần diện tích đất phù hợp cho trồng rừng. Những khu vực có độ dốc cao hoặc có rừng tự nhiên tốt ít phù hợp cho trồng rừng. Tham khảo bản đồ đất rừng của thôn.
5. Thảo luận nhanh về những loài cây phù hợp để trồng rừng. Cần giải thích rõ cho mọi người dân là Bạch đàn có tác động rất xấu đến độ phì của đất và lượng nước trong đất nên không nên khuyến khích trồng cây bạch đàn. Các loài cây bản địa sẽ có tác động tốt hơn đối với môi trường, có giá trị kinh tế cao hơn; tuy nhiên lại có thời gian tăng trưởng dài hơn. Liệt kê và trao đổi thông tin về những địa chỉ làm vườn ươm có chất lượng cây giống đảm bảo.
6. Viết các kết quả thảo luận sẽ được đưa vào quy ước lên giấy A0 lớn và thống nhất các điểm chung.
7. Tóm tắt kết quả; giải thích rõ rằng các kết quả thống nhất sẽ được đưa vào quy ước BV&PTR. Kết thúc bài tập.

Ghi chú: Nói chung, người dân rất quan tâm đến việc trồng rừng vì trồng rừng có khả năng mang lại thu nhập cao. Tuy nhiên, trong một số trường hợp người dân lại phá rừng tự nhiên có mật độ dày để trồng rừng; điều này dẫn đến thiệt hại về tài nguyên rừng. Trước khi trồng rừng, nên tiến hành đánh giá tài nguyên tại thực địa để xem xét tốt hơn nên trồng rừng hay nên cải thiện khoảnh rừng hiện có thông qua trồng làm giàu rừng hay bằng kích thích số cây hiện có phát triển (bằng các phương án lâm sinh như tỉa thưa, luống phát các loài cây leo và những loài khác thường cạnh tranh hấp thụ chất dinh dưỡng, ánh sáng và nước). Đặc biệt, cần phải xem xét kỹ về việc trồng rừng ở những khu vực có độ dốc lớn và được xem là khu vực rừng đầu nguồn cần được bảo vệ. Rừng tự nhiên có độ che phủ lớn có tác dụng bảo vệ nguồn nước tốt hơn so với rừng trồng – vì trên diện tích rừng trồng thường có các khoảng đất trống giữa các cây.

2.8 Xây dựng các quy định cụ thể đối với rừng vùng hoặc từng chủ đề

Tuỳ thuộc vào tình hình thực tế của địa phương có thể xem xét nên xây dựng các hướng dẫn, quy định cụ thể theo từng vùng hay từng chủ đề. Việc xây dựng các quy định cụ thể đối với từng vùng có thể phù hợp hơn đối với những thôn có diện tích rừng khá lớn; còn ở những thôn khác thì xây dựng các quy định cụ thể theo từng chủ đề sẽ phù hợp hơn.

Mục tiêu

- Xây dựng được các quy định cụ thể đối với từng vùng hoặc từng chủ đề trên cơ sở tình hình thực tế của địa phương

Thời gian

2.5 tiếng

Vật liệu Giấy A0, bút viết bảng, băng dính, bản đồ giao đất giao rừng, sơ đồ thôn, danh sách liệt kê các vấn đề khó khăn chính của thôn

Các bước tiến hành

1. Giải thích các mục tiêu, thời gian cần thiết và vai trò của các thành viên tham gia.
2. Giới thiệu hai phương pháp xây dựng quy ước khác nhau và thống nhất là sẽ áp dụng phương pháp xây dựng các quy định cụ thể theo từng vùng hoặc từng chủ đề.

Trong trường hợp xây dựng quy ước BV&PTR theo vùng:

3. Xem sơ đồ tài nguyên của thôn và thống nhất các vùng cần xây dựng những quy định cụ thể.
4. Chia nhóm và phân nhiệm vụ mỗi nhóm sẽ xây dựng các quy định đối với mỗi vùng.

Trong trường hợp xây dựng quy ước BV&PTR theo chủ đề:

5. Xem kỹ các vấn đề khó khăn của thôn và hướng dẫn các thành viên tham gia, liệt kê ra các chủ đề cần có các quy định cụ thể.
6. Chia nhóm, mỗi nhóm sẽ thảo luận để xây dựng các quy định cụ thể cho mỗi chủ đề. Một số nhóm có thể thảo luận ít nhất một chủ đề.

Trong trường hợp xây dựng quy ước BV&PTR theo khu vực:

7. Yêu cầu các thành viên tham gia xem kỹ sơ đồ tài nguyên thôn, bản và phân tích các vấn đề khó khăn chính của thôn.
8. Trước khi các nhóm bắt đầu thảo luận, cần đưa ra một số câu hỏi cụ thể cho từng chủ đề để hỗ trợ các nhóm xây dựng các quy định. Khi xây dựng quy ước theo từng khu vực, các nhóm cần xem xét đến tất cả các chủ đề (trong trường hợp này cần bỏ qua những câu hỏi liên quan đến địa điểm). Viết các câu hỏi thảo luận lên giấy A0 để tất cả mọi người cùng thấy.

❖ *Xây dựng các quy định cụ thể về khai thác lâm sản (các loài thực vật)*

Các câu hỏi thảo luận:

- Cần xây dựng quy định cụ thể đối với những loài nào/lâm sản nào?
- Những lâm sản nào là được phép/không được phép khai thác (địa điểm)?
- Được phép khai thác khi nào/không được phép khai thác khi nào (khoảng thời gian)?
- Số lượng được phép khai thác là bao nhiêu đối với từng loài/lâm sản?
- Ai được phép/không được phép khai thác?
- Chuyển lâm sản đã khai thác ra khỏi rừng bằng cách nào?
- Có những quy định liên quan nào trước đây cần đưa vào quy ước BV&PTR?

Ghi chú: Thường thì các thành viên tham gia chỉ tập trung vào những khu vực, địa điểm có thể khai thác lâm sản. Vì vậy, tùy thuộc vào tình hình của địa phương có thể đưa vào quy ước những chi tiết quan trọng hơn nữa như số lượng, thời gian và hình thức khai thác. Việc khai thác lâm sản phải tuân thủ theo các quy định hiện hành.

❖ *Xây dựng quy định cụ thể về phát/đốt nương làm rẫy*

Các câu hỏi thảo luận:

- Địa điểm được phép đốt nương làm rẫy?
- Kích cỡ của băng cản lửa?
- Thời gian đốt nương?
- Cách đốt nương (kỹ thuật/quy cách)?
- Đối tượng được phép đốt nương?
- Cần phải thông báo cho ai khi tiến hành đốt nương làm rẫy?
- Có những quy định về đốt nương làm rẫy nào trước đây cần đưa vào quy ước BV&PTR?

Ghi chú: Hình thức khai thác lâm nghiệp mang tính hủy hoại lớn nhất đó là đốt nương làm rẫy. Đất dưới tán rừng nhiệt đới là loại đất nghèo chất dinh dưỡng. Những cánh rừng nhiệt đới xanh tốt chỉ tồn tại trên loại đất nghèo này bằng cách tái sinh những dưỡng chất cần thiết. Mà hầu hết các dưỡng chất được giữ lại trong các lớp sinh khối (như gỗ mục, lá, quả và động vật chết). Khi sinh khối chết đi và thối rữa, mục nát thì các dưỡng chất lại được cây rừng nhiệt đới hấp thụ. Nhưng sau khi chuyển đổi diện tích rừng thành diện tích nông nghiệp, thì việc canh tác trên những diện tích đất chuyển đổi này chỉ tiến hành được chỉ trong một vài năm; và đất cần để hoang hóa trong một thời gian dài để có thể phục hồi những dưỡng chất cần thiết. Nhưng khi thời gian bỏ hoang hóa quá ngắn hoặc các loại thực vật trên đất không được tái sinh thì sẽ dẫn đến rừng không có khả năng tái tạo.

❖ *Xây dựng các quy định về phòng cháy, chữa cháy rừng*

Các câu hỏi thảo luận:

- Biện pháp tức thời nào cần được áp dụng ngay khi xảy ra cháy rừng?
- Ai là người chịu trách nhiệm chính trong việc huy động cả thôn, bản khi xảy ra cháy?
- Có nên thành lập tổ phòng cháy, chữa cháy rừng?
- Trách nhiệm của tổ phòng cháy, chữa cháy rừng
- Có nên trả tiền công cho tổ phòng cháy, chữa cháy rừng không? Liệu có nguồn quỹ nào để chi trả không? Nếu không thì họ sẽ phải được trả công như thế nào?
- Chúng ta nên giải quyết với các hộ cố tình không tham gia vào việc phòng cháy, chữa cháy rừng như thế nào?
- Chúng ta nên giải quyết như thế nào đối với các hộ gia đình chỉ toàn người già?
- Chúng ta nên làm thế nào đối với các hộ mà trong thời điểm xảy ra cháy chỉ có phụ nữ và trẻ em ở nhà?
- Chúng ta nên giải quyết như thế nào khi đám cháy là do người ở thôn, bản bên gây ra? Ai có thẩm quyền can thiệp?

Ghi chú: Kế hoạch phòng cháy, chữa cháy rừng của thôn, bản cần được xây dựng hàng năm theo các hướng dẫn về phòng cháy, chữa cháy rừng của Chi cục Kiểm lâm. Những nội dung chính trong bản kế hoạch phòng cháy, chữa cháy rừng nên được đưa vào quy ước BV&PTR. Các quy định về phòng cháy chữa cháy rừng nên được soạn thảo theo mẫu quy định của Chi cục Kiểm lâm.

❖ *Xây dựng các quy định cụ thể về khu vực chăn thả*

Các câu hỏi thảo luận:

- Có khu vực nào được quy định cho chăn thả gia súc trong địa bàn thôn không?
- Nếu không có khu vực nào được quy định thì những khu vực nào có thể được sử dụng vào mục đích chăn thả?
- Các hình thức chăn thả như thế nào?
- Việc áp dụng bồi thường như thế nào đối với các trường hợp gia súc phá hoại lúa hoặc hoa màu trên đất nông nghiệp hoặc phá hoại rừng trồng (Ai phải chịu trách nhiệm xử lý chủ gia súc hay người bảo vệ)?
- Mức bồi thường phải trả khi chăn thả trong rừng là như thế nào?

Ghi chú: Chăn thả gia súc là mối nguy hại đối với rừng vì những xã có nhiều gia súc nằm gần khu vực rừng. Gia súc thường được chăn thả tự do gần rừng nhiệt đới vì người dân địa phương không áp dụng hình thức nuôi gia súc theo chuồng trại. Việc chăn thả gia súc tự do sẽ dẫn đến những vấn đề sau:

- hạn chế quá trình tái sinh rừng trong khi lại kích thích sự phát triển của cỏ
- quá trình tái sinh diễn ra chậm do gia súc thường ăn cây non, cây con, măng...
- thảm thực vật rừng và đặc biệt là cây non thường bị gia súc giẫm nát
- tạo ra những khoảng trống trong diện tích rừng
- gia súc tranh giành thức ăn với các động vật rừng có móng guốc và voi

❖ *Xây dựng các quy định cụ thể về việc khai thác khoáng sản và vật liệu xây dựng*

Các câu hỏi thảo luận:

- Có nên cho phép khai thác trên địa bàn của thôn?
- Có thể cho phép khai thác ở địa điểm nào?
- Có thể cho phép khai thác dưới điều kiện nào?
- Được phép khai thác bằng hình thức nào?

Ghi chú: Rừng đá vôi rất dễ bị tổn hại khi khai thác đá. Đá vôi là nguyên liệu tốt phục vụ cho việc xây dựng. Nhiều người dân ở xung quanh rừng đá vôi đã đập đá để lấy đá làm nhà. Đặc biệt việc khai thác đá bằng chất nổ gây tổn hại nghiêm trọng đến rừng.

❖ *Xây dựng các quy định cụ thể về săn bắn động vật rừng, động vật hoang dã*

Các câu hỏi thảo luận:

- Cần xây dựng có quy định đối với những loài động vật nào/lâm sản nào?
- Ở khu vực nào được phép/không được phép săn bắn, đánh bắt cá/khai thác động vật rừng (địa điểm)?
- Khi nào được phép/không được phép săn bắn, đánh bắt cá/khai thác động vật rừng (khoảng thời gian nào)?
- Có thể săn bắn, khai thác động vật rừng nào đó với số lượng bao nhiêu?
- Ai/đối tượng nào được phép/không được phép săn bắn, đánh bắt cá, khai thác động vật rừng?
- Việc vận chuyển động vật rừng ra khỏi khu vực săn bắn, khai thác nên bằng hình thức nào?
- Có những quy định về săn bắn động vật rừng, động vật hoang dã nào đã có trước đây cần đưa vào quy ước BV&PTR?

Ghi chú: Việc săn bắn động vật rừng, động vật hoang dã quá tải là mối đe dọa lớn đối với sự tồn tại của quần thể động vật. Ngoài hậu quả là các loài mong muốn ngày càng trở nên khan hiếm hay thậm chí tuyệt chủng, săn bắn cũng ảnh hưởng đến sự tồn tại và phát triển của nhiều loài thực vật. Sự phân tán hạt của các loài thực vật tại các khu rừng mưa nhiệt đới phụ thuộc vào các loài động vật đến 90%. Các loài động vật linh trưởng (như vọc, khỉ và vượn), các loài chim frugivorous (như chim mỏ sừng) và frugivorous bats dơi... là những loài động vật đóng vai trò rất hiệu quả trong việc phân tán hạt cây. Sự biến mất của các loài này sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến sự tái sinh của các loài thực vật. Săn bắn và bắt các loài ăn thịt, như mèo rừng, rắn, đại bàng và cú có thể làm mất sự cân bằng sinh thái giữa các loài ăn thịt và con mồi. Các loài bị ăn thịt, như chuột, châu chấu có thể trở thành đại dịch mỗi khi các loài ăn thịt bị biến mất khỏi cuộc sống hoang dã.

Đánh bắt cá là hành vi không có hại chừng nào không đánh bắt quá tải và không sử dụng các chất nổ. Sử dụng chất nổ để đánh bắt cá có thể là cách đánh bắt hiệu quả nhất nhưng nó không chỉ làm chết các loài cá muốn bắt mà còn tất cả mọi thứ khác. Sự tái sinh của các loài cá sẽ bị phá vỡ vì các chất nổ làm hủy hoại quần thể cá con và thức ăn của cá; điều này nhanh chóng làm giảm số lượng cá nói chung và số lượng cá đủ lớn để có thể đánh bắt. Việc sử dụng một số loài thực vật có chất độc và điện để đánh bắt cá cũng gây ra những hậu quả tương tự.

1. Yêu cầu mỗi nhóm thảo luận về các chủ đề nói trên và xây dựng các quy định dựa trên các ý kiến thảo luận. Các quy định đưa ra phải cụ thể, chi tiết và phải phản ánh tình hình thực tế của địa phương.
2. Yêu cầu mỗi nhóm cử một đại diện trình bày những quy định của nhóm mình đã xây dựng.
3. Khuyến khích các thành viên khác đưa ra các câu hỏi và nhận xét đối với mỗi nhóm. Hướng dẫn thảo luận chung để đi đến thống nhất được các quy định cụ thể đối với từng vùng hay từng chủ đề.
4. Hướng dẫn thảo luận chung về các mức bồi thường trong các trường hợp vi phạm quy định.
5. Viết các kết quả thảo luận về các mức bồi thường phải trả trong trường hợp vi phạm quy định.
6. Tóm tắt kết quả; giải thích rõ ràng các kết quả thống nhất sẽ được đưa vào quy ước BV&PTR. Kết thúc bài tập.

Ghi chú chung: Người hướng dẫn cần cung cấp các thông tin cơ sở cần thiết cho các nhóm hoặc cho toàn thể, nếu cần thiết. Cần ghi chú các thông tin liên quan dưới những câu hỏi thảo luận đối với từng chủ đề.

Thực hành về quản lý rừng của địa phương quy định về động, thực vật, đốt nương làm rẫy ... cần được đưa vào nội dung quy ước. Điều quan trọng là cần đưa các quy định trước đây vào quy ước để các quy định đó mang tính chính thức. Bằng cách đó, các quy định quản lý rừng xưa nay được người dân trong thôn cũng như người ngoài tôn trọng và tuân thủ.

2.9 Thành lập tổ giám sát rừng

Cần thiết phải có cơ chế cấp thôn nhằm đảm bảo quy ước BV&PTR được người dân trong thôn và người ngoài thực hiện và tuân thủ. Ví dụ có thể thành lập tổ giám sát rừng hoặc cử ra một số người thay phiên nhau tuần tra bảo vệ rừng.

Mục tiêu:

- Thảo luận về cách thành lập tổ giám sát rừng và trách nhiệm của tổ
- Xác định số vốn và nguồn vốn để đảm bảo được hoạt động của tổ;
- Xây dựng và thống nhất kế hoạch theo dõi giám sát cho tổ giám sát rừng và người dân.

Thời gian cần thiết: 1 tiếng

Vật liệu: Giấy A0, bút viết bảng, kẹp, danh sách các vấn đề khó khăn trong thôn

Các bước tiến hành

1. Giải thích rõ các mục tiêu, thời gian cần thiết và vai trò của người tham gia trong bài tập này
2. Thảo luận về việc nên tổ chức thực hiện quy ước BV&PTR như thế nào để có thể đảm bảo tính hiệu quả của quy ước. Trong trường hợp đất rừng đã được giao, thảo luận về vai trò của các tổ chức khác nhau (như trưởng thôn, UBND xã, Hạt Kiểm lâm) trong việc hỗ trợ các chủ rừng thực hiện quy ước BV&PTR.
3. Hướng dẫn thảo luận toàn thể về việc thành lập tổ giám sát rừng; bằng các câu hỏi thảo luận như:
 - Có cần thành lập tổ giám sát rừng để đảm bảo rằng quy ước BV&PTR được tuân thủ không?
 - Tổ giám sát rừng có những nhiệm vụ và trách nhiệm nào?
 - Tổ giám sát rừng có những quyền hạn và lợi ích gì?
 - Có cần thiết phải tiến hành kiểm tra, tuần tra giám sát rừng thường xuyên không?
 - Ai nên tham gia vào tổ giám sát rừng?
 - Nguồn vốn đảm bảo cho tổ giám sát rừng hoạt động? Tổ giám sát rừng có nhận được khoản chi phí trong trường hợp tiến hành xử lý các trường hợp vi phạm không?
 - Ai nên đảm trách nhiệm vụ giám sát và đánh giá tính hiệu quả của quy ước BV&PTR?
4. Viết các kết quả thảo luận lên giấy A0 và thảo luận để thống nhất các điểm chung.
5. Giải thích rõ hơn các hoạt động, ví dụ như trách nhiệm, thời gian, ngân sách thực hiện và địa điểm thực hiện đúng với bản kế hoạch giám sát rừng cộng đồng
6. Tóm tắt kết quả; giải thích rõ các kết quả thống nhất sẽ được đưa vào quy ước BV&PTR. Kết thúc bài tập.

2.10 Xác định các thủ tục xử lý, bồi thường thiệt hại và khen thưởng.

Trong phần này, các thành viên tham gia sẽ thảo luận về các thủ tục cần thiết nhằm tăng cường việc thực hiện quy ước BV&PTR thông qua xử lý các đối tượng có hành vi vi phạm và thưởng đối với những người dân quản lý rừng hiệu quả.

Mục tiêu

- Xác định rõ những quyền hạn của trường thôn, trường bản và tổ giám sát rừng trong việc xử lý các đối tượng có hành vi vi phạm và khen thưởng những người quản lý rừng hiệu quả;
- Xác định các thủ tục chung về xử lý các hành vi vi phạm và chế độ khen thưởng.

Thời gian 1 tiếng

Các bước tiến hành

1. Giải thích các mục tiêu, thời gian cần thiết và vai trò của các thành viên tham gia.
2. Giải thích rõ với các thành viên tham gia rằng thưởng, xử lý và bồi thường là rất cần thiết nhằm khuyến khích người dân tuân thủ quy ước BV&PTR.
3. Hỏi các thành viên tham gia xem trước đây đã có các thủ tục về xử lý và bồi thường đối với những trường hợp vi phạm chưa? Nếu có thì có nên tiếp tục duy trì các thủ tục để áp dụng trong thời gian tới không?
4. Thảo luận các cơ chế xử lý và viết kết quả thảo luận lên giấy A0.
 - Nên cảnh cáo bao nhiêu lần trước lúc tiến hành xử lý một đối tượng vi phạm?
 - Nên tăng mức bồi thường lên bao nhiêu đối với những đối tượng có hành vi vi phạm nhiều lần (mức tương ứng với số lần vi phạm)?
 - Có nên phê bình trong cuộc họp thôn và/hay qua loa phóng thanh đối với các đối tượng có hành vi vi phạm nhiều lần không?
5. Thảo luận về ai có quyền quyết định xử lý và yêu cầu bồi thường (trường thôn/và/hoặc tổ giám sát rừng). Giải thích rõ trường thôn, bản có thẩm quyền tiến hành đòi bồi thường (nhưng không có quyền tiến hành xử lý), với mức bồi thường lên đến 100.000đ đối với mỗi trường hợp vi phạm. Cấp thôn không phải là cấp hành chính; cấp hành chính thấp nhất là cấp xã, có thẩm quyền xử lý lên đến 500.000đ đối với một vụ vi phạm. Vì thế, luật quy định đối với mức bồi thường trên 100.000đ thì các vụ vi phạm phải được chuyển lên cấp cao hơn để giải quyết.
6. Thảo luận cách tính tiền xử lý như thế nào trong trường hợp cấp thôn tiến hành xử lý đối với các vụ vi phạm, ví dụ như tiền bồi thường về sự thiệt hại của chủ rừng + phí giải quyết (cho công giải quyết của tổ giám sát rừng, người phát hiện vi phạm và/hoặc trường thôn) + tiền đóng phí cho quỹ bảo vệ và phát triển rừng của thôn, bản.
7. Thảo luận về tính cần thiết phải lập quỹ bảo vệ và phát triển rừng của thôn, bản không. Phần trăm tiền xử lý nên nộp vào quỹ, số tiền có thể sử dụng để duy trì hoạt động của tổ giám sát rừng. Ai sẽ giữ quỹ thôn? Các thủ tục cần thiết xử lý vi phạm và cách lập biên bản các vụ vi phạm? Quỹ của thôn sẽ được sử dụng như thế nào? Ai quyết định về việc sử dụng quỹ? Viết các kết quả thảo luận lên giấy khổ lớn.
8. Thảo luận về việc thưởng cho những người thông báo và giải quyết các vụ vi phạm. Cần làm rõ ai là người được khen thưởng, trong trường hợp nào? Hình thức khen thưởng, ví dụ như khen ngợi trong các cuộc họp thôn hoặc qua loa phóng thanh của thôn, và hoặc thưởng bằng tiền. Trong trường hợp thưởng bằng tiền thì cần thảo luận nên thưởng bao nhiêu phần trăm của tiền bồi thường? Bao nhiêu phần trăm nên đưa vào quỹ thôn, hoặc quỹ xã? (Người phát hiện, ngăn chặn các vụ vi phạm/bắt quả tang người vi phạm sẽ nhận được một khoản tiền

tương ứng với % nhất định của mỗi vụ vi phạm). Viết các kết quả thảo luận lên giấy khổ lớn.

9. Thảo luận nhanh và thống nhất các kết quả thảo luận về các thủ tục xử lý vi phạm hành chính và bồi thường.
10. Tóm tắt kết quả; giải thích rõ ràng các kết quả thống nhất sẽ được đưa vào quy ước BV&PTR. Kết thúc bài tập.

Ghi chú: Điều quan trọng là cần xét đến tình hình thực tế của các nhóm người chịu thiệt thòi như người nghèo khi áp dụng hệ thống xử lý các trường hợp vi phạm. Quy ước BV&PTR phải là một phương tiện cho cả người nghèo lẫn người giàu quản lý được tài nguyên rừng một cách bền vững. Điều này có nghĩa là các hộ nghèo phải được tiếp cận với rừng và những tài nguyên rừng thiết yếu (xem phần quyền hạn và lợi ích của người dân trong cộng đồng); và những hộ khá có khả năng áp dụng quy ước BV&PTR để bảo vệ hiệu quả hơn diện tích rừng của chính họ. Tuyệt đối không để xảy ra tình trạng người nghèo bị đẩy ra ngoài lề, không được tiếp cận với rừng và bị xử lý khi khai thác lâm sản từ diện tích đất rừng đã được giao cho các hộ khác.

2.11 Phổ biến quy ước BV&PTR trong cộng đồng dân cư thôn

Thực tế cho thấy không phải lúc nào người dân cũng nắm rõ nội dung của quy ước BV&PTR trên địa bàn thôn của họ và các thôn lân cận. Vì thế, để đảm bảo việc triển khai thực hiện quy ước có hiệu quả điều quan trọng là cần phải thông báo đầy đủ về nội dung của quy ước cho tất cả mọi người dân trong thôn cũng như người dân từ các thôn lân cận (đặc biệt là đối với những trường hợp người dân từ các thôn lân cận đến khai thác lâm sản của thôn). Nên mục đích của bước này là thảo luận và xác định cách tốt nhất để phổ biến quy ước trên địa bàn thôn cũng như đối với bên ngoài thôn.

Mục tiêu

- Thảo luận và xác định phương pháp để phổ biến quy ước trên địa bàn thôn và các thôn lân cận.
- Xây dựng và thống nhất kế hoạch phổ biến quy ước

Thời gian 45 phút

Vật liệu Giấy A0, bút viết giấy, (băng gim và đinh gim), băng dính

Các bước tiến hành

1. Giải thích rõ về mục đích, thời gian cần thiết của bài tập này và vai trò của các thành viên tham gia.
2. Thảo luận chung hoặc thảo luận theo nhóm về các vấn đề sau:
 - Theo ý kiến của anh (chị), phương pháp nào là tốt nhất để phổ biến các quy ước bảo vệ và phát triển rừng của thôn, bản cho toàn thể người dân trong thôn? (như thông qua các cuộc họp thôn, copy quy ước và phát cho tất cả các hộ gia đình, làm bảng tin nội dung quy ước, loa đài, ...)

- Nếu phổ biến quy ước bằng hình thức làm bảng tin thì nên trình bày nội dung quy ước trên bảng tin theo hình thức nào (sơ đồ/văn bản)? Cần có bao nhiêu bảng tin và đặt tại những địa điểm nào?
 - Ai chịu trách nhiệm về việc phổ biến quy ước BV&PTR của thôn?
 - Các nguồn lực cần thiết đảm bảo việc phổ biến đạt hiệu quả cao?
3. Trình bày kết quả của nhóm trong bảng biểu trên giấy A0, nêu rõ trách nhiệm, thời gian, ngân sách thực hiện và đại điểm đối với mỗi hoạt động theo đúng với kế hoạch phổ biến Quy ước
4. Tóm tắt các kết quả thảo luận chung và tổng kết. Giải thích rõ tất cả các điểm của bản dự thảo quy ước đã được thống nhất; với sự hỗ trợ của cán bộ khuyến lâm xã/hoặc cán bộ kiểm lâm, trưởng thôn sẽ ghi lại bản dự thảo dựa trên các kết quả thảo luận đã thống nhất trong 2 ngày họp thôn. Đề xuất ngày họp thôn tiếp theo để trình bày nội dung của bản dự thảo quy ước BV&PTR cho toàn thể người dân trong thôn.

Phu lục 1 Những văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến BV&PTR

Luật Bảo vệ và Phát triển rừng tháng 12/2004.

Nghị định 163/NĐ- CP ngày 16 tháng 10 năm 1999 về giao đất và cho thuê đất lâm nghiệp đến các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân để phát triển lâm nghiệp lâu dài.

Quyết định số 661/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 1998 về nhiệm vụ, chiến lược, chính sách và tổ chức đối với việc thực thi các dự án trồng hecta rừng.

Quyết định số 178/2001/QĐ-TTg ngày 12 tháng 11 năm 2001 quy định quyền lợi và nghĩa vụ của các hộ gia đình và cá nhân được giao, thuê hoặc hợp đồng bảo vệ rừng và đất lâm nghiệp.

Quyết định số 40/2005/QĐ-BNN, ngày 7 tháng 7 năm 2005 quy định về việc khai thác gỗ và các lâm sản khác(Bộ NN&PTNT).

Thông tư số 80/2003/TTLT/BNN-BTC, ngày 3 tháng 9 năm 2003, hướng dẫn thực hiện Quyết định số 178/2001/QĐ-TTg ngày 12 tháng 11 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về quyền hưởng lợi, nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân được giao, được thuê, nhận khoán rừng và đất lâm nghiệp.

Quyết định 186/2006/QĐ-TTg của Thủ Tướng Chính Phủ ngày 14 tháng 8 năm 2006 về việc ban hành Quy chế quản lý rừng

Quyết định 245/1998/QĐ-TTg ngày 21 tháng 12 năm 1998 quy định trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước tại các cấp về rừng và đất rừng.

Nghị định 79/2003/ND-CP ngày 07 tháng 07 năm 2003, quy định việc thực hiện quy chế dân chủ tại cấp xã.

Nghị định 32/2006/NĐ-CP, ngày 30 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp quý hiếm.

Thông tư 70/2007/TT-BNN, ngày 01/08/2007, hướng dẫn xây dựng và tổ chức thực hiện Quy ước bảo vệ và phát triển rừng trong cộng đồng dân cư thôn.

Phu lục 2 Chức năng của rừng nhiệt đới Việt Nam

Bảng 1: Các chức năng chính của rừng nhiệt đới

<p>Chức năng điều hoà</p> <ul style="list-style-type: none">• Điều hoà khí CO₂• Điều hoà khí hậu• Lưu trữ và bảo vệ nguồn nước• Chống xói mòn• Lưu trữ/luân chuyển các chất hữu cơ• Lưu trữ/luân chuyển những chất ô nhiễm đối với con người• Ổn định sinh học• Sinh cảnh cho sự di cư• Duy trì sự đa dạng sinh học	<p>Chức năng sản xuất</p> <ul style="list-style-type: none">• Cung cấp nguyên liệu gỗ và lâm sản• Thức ăn/dinh dưỡng• Nguồn gen• Nguồn dược liệu• Hoá sinh học• Chất đốt và năng lượng• Thức ăn khô và phân bón• Trang trí/làm cảnh
<p>Chức năng Quốc phòng và sinh cảnh cho con người</p> <ul style="list-style-type: none">• Xây dựng căn cứ quân sự phục vụ chiến đấu.• Môi trường sống cho con người.• Giải trí/Du lịch sinh thái	<p>Chức năng cung cấp thông tin</p> <ul style="list-style-type: none">• Thẩm mỹ, tinh thần/tôn giáo và văn hoá dân tộc/ lịch sử• Thông tin lịch sử• Thông tin khoa học và giáo dục

Phu lục 3 Danh mục Động thực vật rừng nguy cấp quý hiếm

(ban hành kèm theo Nghị định 32/2006/NĐ-CP)

NHÓM I: Thực vật rừng, động vật rừng nghiêm cấm khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại

I A. Thực vật rừng

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
	NGÀNH THÔNG	PINOPHYTA
1	Hoàng đàn	<i>Cupressus torulosa</i>
2	Bách Đài Loan	<i>Taiwania cryptomerioides</i>
3	Bách vàng	<i>Xanthocyparis vietnamensis</i>
4	Vân Sam Phan xi păng	<i>Abies delavayi fansipanensis</i>
5	Thông Pà cò	Pinus kwangtungensis
6	Thông đỏ nam	<i>Taxus wallichiana (T. baccata wallichiana)</i>
7	Thông nước (Thuỷ tùng)	<i>Glyptostrobus pensilis</i>
	NGÀNH MỘC LAN	MAGNOLIOPHYTA
	Lớp mộc lan	Magnoliopsida
8	Hoàng liên gai (Hoàng mù)	<i>Berberis julianae</i>
9	Hoàng mộc (Nghê hoa)	<i>Berberis wallichiana</i>
10	Mun sọc (Thị bong)	<i>Diospyros salletii</i>
11	Sưa (Huê mộc vàng)	<i>Dalbergia tonkinensis</i>
12	Hoàng liên Trung Quốc	<i>Coptis chinensis</i>
13	Hoàng liên chân gà	<i>Coptis quinquesecta</i>
	Lớp hành	Liliopsida
14	Các loài Lan kim tuyến	<i>Anoectochilus spp.</i>
15	Các loài Lan hài	<i>Paphiopedilum spp.</i>

I B. Động vật rừng

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
	LỚP THÚ	MAMMALIA
	Bộ cánh da	Dermoptera
1	Chồn bay (Cây bay)	<i>Cynocephalus variegatus</i>
	Bộ khỉ hầu	Primates
2	Cu li lớn	<i>Nycticebus bengalensis (N. coucang)</i>
3	Cu li nhỏ	<i>Nycticebus pygmaeus</i>
4	Voọc chà vá chân xám	<i>Pygathrix cinerea</i>

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Bình

5	Voọc chà vá chân đỏ	<i>Pygathrix nemaeus</i>
6	Voọc chà vá chân đen	<i>Pygathrix nigripes</i>
7	Voọc mũi hếch	<i>Rhinopithecus avunculus</i>
8	Voọc xám	<i>Trachypithecus barbei (T. phayrei)</i>
9	Voọc lông trắng	<i>Trachypithecus delacouri</i>
10	Voọc đen má trắng	<i>Trachypithecus francoisi</i>
11	Voọc đen Hà Tĩnh	<i>Trachypithecus hatinhensis</i>
12	Voọc Cát Bà (Voọc đen đầu vàng)	<i>Trachypithecus poliocephalus</i>
13	Voọc bạc Đông Dương	<i>Trachypithecus villosus (T. cristatus)</i>
14	Vượn đen tuyến tây bắc	<i>Nomascus (Hylobates) concolor</i>
15	Vượn đen má hung	<i>Nomascus (Hylobates) gabriellae</i>
16	Vượn đen má trắng	<i>Nomascus (Hylobates) leucogenys</i>
17	Vượn đen tuyến đông bắc	<i>Nomascus (Hylobates) nasutus</i>
	Bộ thú ăn thịt	Carnivora
18	Sói đỏ (Chó sói lửa)	<i>Cuon alpinus</i>
19	Gấu chó	<i>Ursus (Helarctos) malayanus</i>
20	Gấu ngựa	<i>Ursus (Selenarctos) thibetanus</i>
21	Rái cá thường	<i>Lutra lutra</i>
22	Rái cá lông mũi	<i>Lutra sumatrana</i>
23	Rái cá lông mượt	<i>Lutrogale (Lutra) perspicillata</i>
24	Rái cá vuốt bé	<i>Amblyonyx (Aonyx) cinereus (A. cinerea)</i>
25	Chồn mực (Cây đen)	<i>Arctictis binturong</i>
26	Beo lửa (Beo vàng)	<i>Catopuma (Felis) temminckii</i>
27	Mèo ri	<i>Felis chaus</i>
28	Mèo gấm	<i>Pardofelis (Felis) marmorata</i>
29	Mèo rừng	<i>Prionailurus (Felis) bengalensis</i>
30	Mèo cá	<i>Prionailurus (Felis) viverrina</i>
31	Báo gấm	<i>Neofelis nebulosa</i>
32	Báo hoa mai	<i>Panthera pardus</i>
33	Hổ	<i>Panthera tigris</i>
	Bộ có vòi	Proboscidea
34	Voi	<i>Elephas maximus</i>
	Bộ móng guốc ngón lẻ	Perissodactyla
35	Tê giác một sừng	<i>Rhinoceros sondaicus</i>
	Bộ móng guốc ngón chẵn	Artiodactyla
36	Hươu vàng	<i>Axis (Cervus) porcinus</i>
37	Nai cà tong	<i>Cervus eldii</i>
38	Mang lớn	<i>Megamuntiacus vuquangensis</i>
39	Mang Trường Sơn	<i>Muntiacus truongsonensis</i>
40	Hươu xạ	<i>Moschus berezovskii</i>
41	Bò tót	<i>Bos gaurus</i>
42	Bò rừng	<i>Bos javanicus</i>
43	Bò xám	<i>Bos sauveli</i>
44	Trâu rừng	<i>Bubalus arnee</i>
45	Sơn dương	<i>Naemorhedus (Capricornis) sumatraensis</i>
46	Sao la	<i>Pseudoryx nghetinhensis</i>
	Bộ thỏ rừng	Lagomorpha
47	Thỏ vằn	<i>Nesolagus timinsi</i>

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Bình

	LỚP CHIM	AVES
	Bộ bồ nông	Pelecaniformes
48	Già đẫy nhỏ	<i>Leptoptilos javanicus</i>
49	Quắm cánh xanh	<i>Pseudibis davisoni</i>
50	Cò thìa	<i>Platalea minor</i>
	Bộ sếu	Gruiformes
51	Sếu đầu đỏ (Sếu cổ trụi)	<i>Grus antigone</i>
	Bộ gà	Galiformes
52	Gà tiền mặt vàng	<i>Polyplectron bicalcaratum</i>
53	Gà tiền mặt đỏ	<i>Polyplectron germaini</i>
54	Trĩ sao	<i>Rheinardia ocellata</i>
55	Công	<i>Pavo muticus</i>
56	Gà lôi hồng tía	<i>Lophura diardi</i>
57	Gà lôi màu trắng	<i>Lophura edwardsi</i>
58	Gà lôi Hà Tĩnh	<i>Lophura hatinhensis</i>
59	Gà lôi màu đen	<i>Lophura imperialis</i>
60	Gà lôi trắng	<i>Lophura nycthemera</i>
	LỚP BÒ SÁT	REPTILIA
	Bộ có vảy	Squamata
61	Hổ mang chúa	<i>Ophiophagus hannah</i>
	Bộ rùa	Testudinata
62	Rùa hộp ba vạch	<i>Cuora trifasciata</i>

NHÓM II: Thực vật rừng, động vật rừng hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại

II A. Thực vật rừng

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
	NGÀNH THÔNG	PINOPHYTA
1	Đỉnh tùng (Phỉ ba mũi)	<i>Cephalotaxus mannii</i>
2	Bách xanh (Tùng hương)	<i>Calocedrus macrolepis</i>
3	Bách xanh đá	<i>Calocedrus rupestris</i>
4	Pơ mu	<i>Fokienia hodginsii</i>
5	Du sam	<i>Keteleeria evelyniana</i>
6	Thông Đà Lạt (Thông 5 Đà Lạt)	<i>Pinus dalatensis</i>
7	Thông lá dẹt	<i>Pinus krempfii</i>
8	Thông đỏ bắc (Thanh tùng)	<i>Taxus chinensis</i>
9	Sa mộc dầu	<i>Cunninghamia konishii</i>
	Lớp tuế	Cycadopsida
10	Các loài Tuế	<i>Cycas</i> spp.
	NGÀNH MỘC LAN	MAGNOLIOPHYTA

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Bình

	Lớp mộc lan	Magnoliopsida
11	Sâm vũ diệp (Vũ diệp tam thất)	<i>Panax bipinnatifidum</i>
12	Tam thất hoang	<i>Panax stipuleanatus</i>
13	Sâm Ngọc Linh (Sâm Việt Nam)	<i>Panax vietnamensis</i>
14	Các loài Tế tân	<i>Asarum</i> spp.
15	Thiết đỉnh	<i>Markhamia stipulata</i>
16	Gỗ đỏ (Cà te)	<i>Azelia xylocarpa</i>
17	Lim xanh	<i>Erythrophloeum fordii</i>
18	Gụ mật (Gỗ mật)	<i>Sindora siamensis</i>
19	Gụ lau	<i>Sindora tonkinensis</i>
20	Đẳng sâm (Sâm leo)	<i>Codonopsis javanica</i>
21	Trái lý (Rươi)	<i>Garcinia fragraeoides</i>
22	Trắc (Cắm lai nam)	<i>Dalbergia cochinchinensis</i>
23	Cắm lai (Cắm lai bà rịa)	<i>Dalbergia oliveri (D. bariensis, D. mammosa)</i>
24	Giáng hương (Giáng hương trái to)	<i>Pterocarpus macrocarpus</i>
25	Gù hương (Quế balansa)	<i>Cinnamomum balansae</i>
26	Re xanh phần (Re hương)	<i>Cinnamomum glaucescens</i>
27	Vù hương (Xá xị)	<i>Cinnamomum parthenoxylon</i>
28	Vàng đắng	<i>Coscinium fenestratum</i>
29	Hoàng đẳng (Nam hoàng liên)	<i>Fibraurea tinctoria (F. chloroleuca)</i>
30	Các loài Bình vôi	<i>Stephania</i> spp.
31	Thổ hoàng liên	<i>Thalictrum foliolosum</i>
32	Nghiến	<i>Excentrodendron tonkinensis (Burretiodendron tonkinensis)</i>
	Lớp hành	Liliopsida
33	Hoàng tinh hoa trắng (Hoàng tinh cách)	<i>Disporopsis longifolia</i>
34	Bách hợp	<i>Lilium brownii</i>
35	Hoàng tinh vòng	<i>Polygonatum kingianum</i>
36	Thạch hộc (Hoàng phi hạc)	<i>Dendrobium nobile</i>
37	Cây một lá (Lan một lá)	<i>Nervilia</i> spp.

II B. Động vật rừng

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
	LỚP THÚ	MAMMALIA
	Bộ dơi	Chiroptera
1	Dơi ngựa lớn	<i>Pteropus vampyrus</i>

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Bình

	Bộ khỉ hầu	Primates
2	Khỉ mặt đỏ	<i>Macaca arctoides</i>
3	Khỉ mốc	<i>Macaca assamensis</i>
4	Khỉ đuôi dài	<i>Macaca fascicularis</i>
5	Khỉ đuôi lợn	<i>Macaca leonina (M. nemestrina)</i>
6	Khỉ vàng	<i>Macaca mulatta</i>
	Bộ thú ăn thịt	Carnivora
7	Cáo lửa	<i>Vulpes vulpes</i>
8	Chó rừng	<i>Canis aureus</i>
9	Triết bụng vàng	<i>Mustela kathiah</i>
10	Triết nâu	<i>Mustela nivalis</i>
11	Triết chỉ lưng	<i>Mustela strigidorsa</i>
12	Cầy giông sọc	<i>Viverra megaspila</i>
13	Cầy giông	<i>Viverra zibetha</i>
14	Cầy hương	<i>Viverricula indica</i>
15	Cầy gấm	<i>Prionodon pardicolor</i>
16	Cầy vằn bắc	<i>Chrotogale owstoni</i>
	Bộ móng guốc chẵn	Artiodactyla
17	Cheo cheo	<i>Tragulus javanicus</i>
18	Cheo cheo lớn	<i>Tragulus napu</i>
	Bộ gặm nhấm	Rodentia
19	Sóc bay đen trắng	<i>Hylopetes alboniger</i>
20	Sóc bay Côn Đảo	<i>Hylopetes lepidus</i>
21	Sóc bay xám	<i>Hylopetes phayrei</i>
22	Sóc bay bé	<i>Hylopetes spadiceus</i>
23	Sóc bay sao	<i>Petaurista elegans</i>
24	Sóc bay lớn	<i>Petaurista petaurista</i>
	Bộ tê tê	Pholidota
25	Tê tê Java	<i>Manis javanica</i>
26	Tê tê vàng	<i>Manis pentadactyla</i>
	LỚP CHIM	AVES
	Bộ hạc	Ciconiiformes
27	Hạc cổ trắng	<i>Ciconia episcopus</i>
28	Quắm lớn	<i>Thaumabitis (Pseudibis) gigantea</i>
	Bộ ngỗng	Anseriformes
29	Ngan cánh trắng	<i>Cairina scutulata</i>
	Bộ sếu	Gruiformes
30	Ô tác	<i>Houbaropsis bengalensis</i>
	Bộ cắt	Falconiformes
31	Diều hoa Miến Điện	<i>Spilornis cheela</i>
32	Cắt nhỏ họng trắng	<i>Polhierax insignis</i>

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Bình

	Bộ gà	Galiformes
33	Gà so cổ hung	<i>Arborophila davidi</i>
34	Gà so ngực gụ	<i>Arborophila charltonii</i>
	Bộ cu cu	Cuculiformes
35	Phước đất	<i>Carpococcyx renauldi</i>
	Bộ bồ câu	Columbiformes
36	Bồ câu nâu	<i>Columba punicea</i>
	Bộ yến	Apodiformes
37	Yến hàng	<i>Collocalia germani</i>
	Bộ sả	Coraciiformes
38	Hồng hoàng	<i>Buceros bicornis</i>
39	Niệc nâu	<i>Annorhinus tickelli</i>
40	Niệc cổ hung	<i>Aceros nipalensis</i>
41	Niệc mỏ vằn	<i>Aceros undulatus</i>
	Bộ vẹt	Psittiformes
42	Vẹt má vàng	<i>Psittacula eupatria</i>
43	Vẹt đầu xám	<i>Psittacula finschii</i>
44	Vẹt đầu hồng	<i>Psittacula roseata</i>
45	Vẹt ngực đỏ	<i>Psittacula alexandri</i>
46	Vẹt lùn	<i>Loriculus verlanis</i>
	Bộ cú	Strigiformes
47	Cú lợn lưng xám	<i>Tyto alba</i>
48	Cú lợn lưng nâu	<i>Tyto capensis</i>
49	Dù di phương đông	<i>Ketupa zeylonensis</i>
	Bộ sẻ	Passeriformes
50	Chích choè lửa	<i>Copsychus malabaricus</i>
51	Khướu cánh đỏ	<i>Garrulax formosus</i>
52	Khướu ngực đỏm	<i>Garrulax merulinus</i>
53	Khướu đầu đen	<i>Garrulax milleti</i>
54	Khướu đầu xám	<i>Garrulax vassali</i>
55	Khướu đầu đen má xám	<i>Garrulax yersini</i>
56	Nhông (Yểng)	<i>Gracula religiosa</i>
	LỚP BÒ SÁT	REPTILIA
	Bộ có vảy	Squamata
57	Kỳ đà vân	<i>Varanus bengalensis (V. nebulosa)</i>
58	Kỳ đà hoa	<i>Varanus salvator</i>
59	Trăn cột	<i>Python curtus</i>
60	Trăn đất	<i>Python molurus</i>
61	Trăn gấm	<i>Python reticulatus</i>
62	Rắn sọc dưa	<i>Elaphe radiata</i>
63	Rắn ráo trâu	<i>Ptyas mucosus</i>

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Bình

64	Rắn cạp nia nam	<i>Bungarus candidus</i>
65	Rắn cạp nia đầu vàng	<i>Bungarus flaviceps</i>
66	Rắn cạp nia bắc	<i>Bungarus multicinctus</i>
67	Rắn cạp nong	<i>Bungarus fasciatus</i>
68	Rắn hổ mang	<i>Naja naja</i>
	Bộ rùa	Testudinata
69	Rùa đầu to	<i>Platysternum megacephalum</i>
70	Rùa đất lớn	<i>Heosemys grandis</i>
71	Rùa răng (Càng đước)	<i>Hieremys annandalii</i>
72	Rùa trung bộ	<i>Mauremys annamensis</i>
73	Rùa núi vàng	<i>Indotestudo elongata</i>
74	Rùa núi viền	<i>Manouria impressa</i>
	Bộ cá sấu	Crocodylia
75	Cá sấu hoa cà	<i>Crocodylus porosus</i>
76	Cá sấu nước ngọt (Cá sấu Xiêm)	<i>Crocodylus siamensis</i>
	LỚP ẾCH NHÁI	AMPHIBIAN
	Bộ có đuôi	Caudata
77	Cá cóc Tam Đảo	<i>Paramesotriton deloustali</i>
	LỚP CÔN TRÙNG	INSECTA
	Bộ cánh cứng	Coleoptera
78	Cặp Kim sừng cong	<i>Dorcus curvidens</i>
79	Cặp kim lớn	<i>Dorcus grandis</i>
80	Cặp kim song lười hái	<i>Dorcus antaeus</i>
81	Cặp kim song dao	<i>Eurytrachelteulus titanus</i>
82	Cua bay hoa nâu	<i>Cheriotonus battareli</i>
83	Cua bay đen	<i>Cheriotonus iansoni</i>
84	Bọ hung năm sừng	<i>Eupacrus gravilicornis</i>
	Bộ cánh vẩy	Lepidoptera
85	Bướm Phượng đuôi kiếm răng nhọn	<i>Teinopalpus aureus</i>
86	Bướm Phượng đuôi kiếm răng tù	<i>Teinopalpus imperialis</i>
87	Bướm Phượng cánh chim chân liền	<i>Troides helena ceberus</i>
88	Bướm rùng đuôi trái đào	<i>Zeuxidia masoni</i>
89	Bọ lá	<i>Phyllium succifolium</i>

Phu lục 4 Quyết định phê duyệt Quy ước bảo vệ và phát triển rừng

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

.....ngày.....thángnăm.....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận Bản “Quy ước bảo vệ và phát triển rừng”

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN.....

- Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;
- Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng năm 2004 và Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng;
- Căn cứ Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn số 34/2007/PL-UBTVQH11 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 20 tháng 4 năm 2007;

Xét đề nghị của UBND xã.....và ý kiến của Trưởng Phòng Tư pháp huyện.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận Bản “Quy ước bảo vệ và phát triển rừng” của cộng đồng.....thôn.....thuộc xã..... huyện.....tỉnh.....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng thôn.....có trách nhiệm cùng các hộ gia đình trong cộng đồng dân cư thôn tổ chức thực hiện tốt nội dung bản Quy ước bảo vệ và phát triển rừng.

Chủ tịch UBND xã....., Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm, cá Trưởng phòng thuộc huyện và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, giúp đỡ thôn.....tổ chức thực hiện tốt Quy ước bảo vệ và PTR này.

**TM. UBND HUYỆN
CHỦ TỊCH**

Phụ lục 5 Câu hỏi theo dõi và đánh giá nội bộ thôn

Hệ thống câu hỏi theo dõi & đánh giá

Quy ước bảo vệ rừng

thực hiện bởi người dân thôn bản

Tỉnh Quảng Bình

Bản.....
Xã.....
Huyện.....
Ngày thực hiện...../...../200.....
Người thực hiện.....

Quá trình xây dựng Quy ước bảo vệ và phát triển rừng (sau 1 năm thực hiện)

1) Thôn xây dựng QUBVR khi nào?

Tháng..... Năm.....

2) Những đại diện nào của thôn bản được mời tham gia cuộc họp xây dựng QUBVR?

*Trưởng thôn Ban quản lý thôn bản Hội phụ nữ Đoàn thanh niên
Khác.....*

3) Có bao nhiêu người tham gia vào các cuộc họp? Bao nhiêu phụ nữ tham gia họp?

Số người Số phụ nữ.....

4) Ai điều hành việc xây dựng QUBV&PTR trong cuộc họp thôn bản?

*Cán bộ Kiểm lâm Cán bộ Khuyến nông - lâm
Khác.....*

5) Ai đã chuẩn bị nội dung Quy ước BVR trong cuộc họp?

*Hạt Kiểm Lâm Người dân trong thôn
Ý kiến.....*

6) Sau khi cuộc họp thôn bản kết thúc thì bản QUBVR được gửi cho ai?

*UBND xã Cán bộ Kiểm lâm Cán bộ Khuyến nông - lâm
Khác.....*

7) Các đóng góp của người dân có được đưa vào trong Quy ước của thôn không?

*Có Không
Ý kiến.....*

Hiểu biết hiện tại về Quy ước bảo vệ và phát triển rừng (trên cơ sở 6 tháng)

1) Có bao nhiêu bước bà con phải thực trong việc xây dựng QUBVR của thôn bản mình? 3 bước 4 bước 5 bước

2) Bà con có nhớ Quy ước BVR thôn bản của mình đề cập đến cái gì không (những điểm chính)? Có Không

Các hoạt động bị cấm.....

Các lợi ích.....

3) Bà con có biết ai chịu trách nhiệm giữ tiền bồi thường không?

Cá nhân *Trưởng thôn* *Ban Quản lý thôn*

Khác.....

4) Bà con có biết tiền bồi thường sử dụng cho mục đích gì không?

Thanh toán cho cán bộ xã *Quỹ bảo vệ phát triển rừng*

Khác.....

5) Khi phát hiện cháy rừng/ vi phạm xảy ra bà con báo cho ai? Và báo như thế nào?

Cán bộ Kiểm lâm *Trưởng thôn* *Công an*

Báo bằng miệng *Bằng văn bản*

6) Bà con có nhớ vụ vi phạm QUBVR gần đây nhất đã xảy ra như thế nào không?

Nội dung vụ vi phạm

Cá nhân liên quan

Kết quả

7) Bà con hưởng lợi gì sau khi thực hiện QUBVR?

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Bình

Gỗ Củi Bảo vệ rừng đầu nguồn Bảo vệ rừng tự nhiên

Khác.....

8) Sau khi xây dựng xong bản QUBVR, số vụ vi phạm vô tình hay cố ý tăng hay giảm?

Tăng Giảm Số vụ vi phạm

9) Bà con tổ chức như thế nào để thực hiện được QUBVR?

Các nhóm bảo vệ rừng Cá nhân Thuê bảo vệ rừng

Phối hợp với các tổ chức đoàn thể

10) Bà con có thể có bản sao (copy) QUBVR của bản mình ở những nơi nào?

Trung tâm thôn Nhà Trưởng thôn Các hộ Ở xã

11) Bà con có gặp phải khó khăn gì trong khi xử lý người vi phạm QUBVR không tuân theo quy định về xử lý nêu trong Quy ước không?

Có Không

Giải thích

12) Vai trò của trưởng thôn trong việc xử lý các vụ vi phạm này như thế nào?

Báo cho cấp trên Trưởng thôn xử lý

Khác.....

13) Bà con ở trong bản bên cạnh có biết QUBVR của bản mình không?

Có Không Ý kiến.....

14) Người dân ở bản bên cạnh có vi phạm QUBVR của bản mình không?

Có Không

Miêu tả

15) Có vụ vi phạm QUBVR nào bản không xử lý được không? Tại sao?

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Bình

Có Không

Giải thích.....

16) Ai giúp bà con giải quyết các vụ vi phạm QUBVR vượt thẩm quyền xử lý của bà con?

Hạt Kiểm Lâm *UBND xã*

Giải thích

17) Bà con có nhận được sự giúp đỡ của cấp xã khi giải quyết các vụ vi phạm QUBVR?

Có Không

Chi tiết.....

18) QUBVR có được thường xuyên thảo luận tại các cuộc họp thôn bản không?

Có Không

Thí dụ (cuộc họp gần nhất)

19) Bà con có cần phải chỉnh sửa hay bổ sung hay bỏ một số vấn đề liên quan đến QUBVR không?

Có Không

Chi tiết.....

20) Trong quá trình xử lý các vụ vi phạm Quy ước, ông/bà thường gặp những khó khăn gì?

Thôn không có quyền lý từ 50,000 đồng trở lên

Phải báo cáo lên UBND xã

Sự hỗ trợ của UBND xã và Hạt kiểm lâm không kịp thời

Người vi phạm không chấp hành

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Bình

Khác:

Nguyên nhân:

21) Bà con biết vị trí, diện tích trồng tái sinh, khôi phục và làm giàu rừng ở đâu không?

Có Không

Hoạt động.....*Địa điểm*.....*Diện tích*.....

Hoạt động.....*Địa điểm*.....*Diện tích*.....

Hoạt động.....*Địa điểm*.....*Diện tích*.....

22) Bà con có cần thêm những qui định mới cho QUBVR?

Có Không

Chi tiết.....

23) Hình thức quản lý, tổ chức các hoạt động lâm sinh (trồng, khôi phục, chăm sóc, v.v...)?

Cá nhân Nhóm hộ Cộng đồng

Khác.....

24) Trữ lượng khai thác lâm sản (gỗ, củi, sản phẩm ngoài gỗ)?

Loại lâm sản.....

Tổng trữ lượng khai thác để sử dụng

Tổng trữ lượng khai thác để bán

Phu lục 6 Câu hỏi theo dõi đánh giá bên ngoài

Hệ thống câu hỏi theo dõi & đánh giá

Quy ước bảo vệ rừng

thực hiện bởi cán bộ kiểm lâm

Tỉnh Quảng Bình

Bản.....
Xã.....
Huyện.....
Ngày thực hiện...../...../200.....
Người thực hiện.....
Hạt kiểm lâm.....

Quá trình xây dựng Quy ước bảo vệ và phát triển rừng (sau 1 năm thực hiện)

1) Ai là người điều hành việc xây dựng QUBVR trong các cuộc họp thôn bản?

Cán bộ Kiểm lâm

Phòng kinh tế

Cán bộ lâm xã

Khác.....

2) Các bước chính của phương pháp xây dựng QUBVR có hợp nhất hay không?

Tại sao không?

Có

Không

Giải thích.....

3) QUBVR có quy định đến diện tích và mục đích sử dụng từng loại đất – rừng hay không?

Có

Không

Thí dụ.....

4) Quy ước đã xây dựng có cụ thể về mặt quản lý không?

Có

Không

Thí dụ.....

5) Việc phổ biến QUBVR được tiến hành như thế nào (Bản QUBVR có ở đâu)?

Trung tâm thôn

Nhà của trưởng thôn

Tất cả các hộ

Ở xã

Giấy lớn khổ Ao

Giấy nhỏ khổ A4

6) Liệu xã có nhận được bản sao (copy) QUBVR của các bản trên địa bàn mình quản lý không?

Có

Không

Ý kiến.....

7) Các điều khoản liên quan (xem Thông tư 70) có được nêu trong Quy ước hay không?

Có

Không

Ý kiến.....

Hiểu biết hiện tại về Quy ước bảo vệ và phát triển rừng (trên cơ sở 6 tháng)

1) Dân bản có khả năng nhắc lại các bước xây dựng QUBVR của bản mình không?

Có Không

Thí dụ.....

2) Ai tham gia vào quá trình lập kế hoạch và thực hiện QUBVR và như thế nào?

Hội phụ nữ Cá nhân phụ nữ Chỉ có nam giới

Giải thích.....

3) Những điểm nào trong QUBVR không phù hợp với các văn bản pháp lý hiện hành?

Giải thích.....

4) QUBVR có phù hợp với phong tục tập quán của bà con ở địa phương không?

Có Không

Ý kiến.....

5) Ông/bà có biết các quy định về quyền lợi và nghĩa vụ của các thành viên trong cộng đồng trong QUBV&PTR của thôn, bản không?

Biết Biết vài nội dung Không biết

Ý kiến.....

6) Các quy định về thưởng, lý trong Quy ước có hợp lý hay không?

Có Không Một phần

Giải thích.....

7) Trong năm có bao nhiêu vụ vi phạm QUBVR đã được phát hiện?

Số vụ vi phạm.....

8) Hoạt động giám sát ở thôn bản được tiến hành như thế nào?

Chi tiết.....

9) Bà con có đủ tự tin để giải quyết các vụ vi phạm QUBVR này không?

Có Không

Các vấn đề.....

10) Ai lập biên bản và lưu giữ số liệu những vụ vi phạm đã xảy ra?

Trưởng thôn Cán bộ Kiểm lâm Nhóm bảo vệ rừng thôn bản

Thành phần khác

11) Cấp cơ quan có thẩm quyền có được thông báo đầy đủ về các vụ việc vi phạm không?

Có Không Ý kiến.....

12) QUBVR có được thường xuyên thảo luận tại các cuộc họp thôn bản không?

Có Không

Chi tiết trong cuộc họp cuối cùng

13) Quy ước đã được cập nhật nội dung mới chưa?

Rồi Chưa

Chi tiết.....

14) Việc khai thác và trồng rừng, bảo vệ rừng trồng và rừng tự nhiên có tuân theo các tiêu chuẩn về kỹ thuật không/?

Có Không

Chi tiết.....

15) Tài nguyên rừng có được cải thiện không (số lượng các loài cây có giá trị được tái sinh, tăng độ che phủ rừng, v.v...)?

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Bình

Về diện tích rừng: Có Không

Về chất lượng rừng: Có Không

Chi tiết.....

16) Các giống cây sử dụng cho mô hình sản xuất nông-lâm kết hợp có giúp bảo vệ đất, đa dạng hoá lâm sản và tăng thu nhập hay không?

Có Không

Chi tiết.....

17) Các vi phạm chủ yếu là gì?

Chặt phá rừng Khai thác gỗ, lâm sản khác mua bán lâm sản

Cháy rừng Săn bắt thú rừng Nương rẫy

Khác.....

18) Các vụ vi phạm có được xử lý theo đúng quy định không?

Không xử lý Xử lý đúng Xử lý sai

Ý kiến khác: Reasons:

19) Cần có những giải pháp nào để có thể quản lý bảo vệ rừng của thôn, bản có hiệu quả hơn (các chính sách về đất, rừng; các hỗ trợ của Nhà nước trung ương và địa phương; sự tham gia của cộng đồng dân cư thôn, bản, v.v...)

.....
.....
.....
.....